

## **Chương IV**

# **KẾ TOÁN VẬT TƯ**

Sau khi hoàn thành Chương này, bạn có thể nắm được:

- Nguyên tắc hạch toán.
- Mô hình hoạt động nhập, xuất kho.
- Sơ đồ hạch toán kế toán vật tư.
- Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán.

### **1. Nguyên tắc hạch toán**

- Kế toán nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trên tài khoản 152, 153 phải được thực hiện theo nguyên tắc giá gốc quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02 “Hàng tồn kho”.

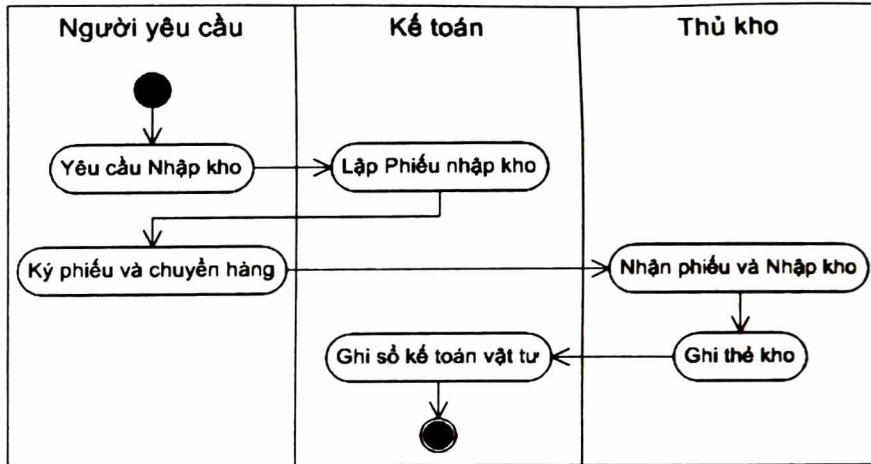
- Việc tính giá trị của vật tư xuất kho được thực hiện theo một trong bốn phương pháp quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02 “Hàng tồn kho”:

- + Phương pháp giá đích danh.
- + Phương pháp bình quân gia quyền.
- + Phương pháp nhập trước, xuất trước.
- + Phương pháp nhập sau, xuất trước.

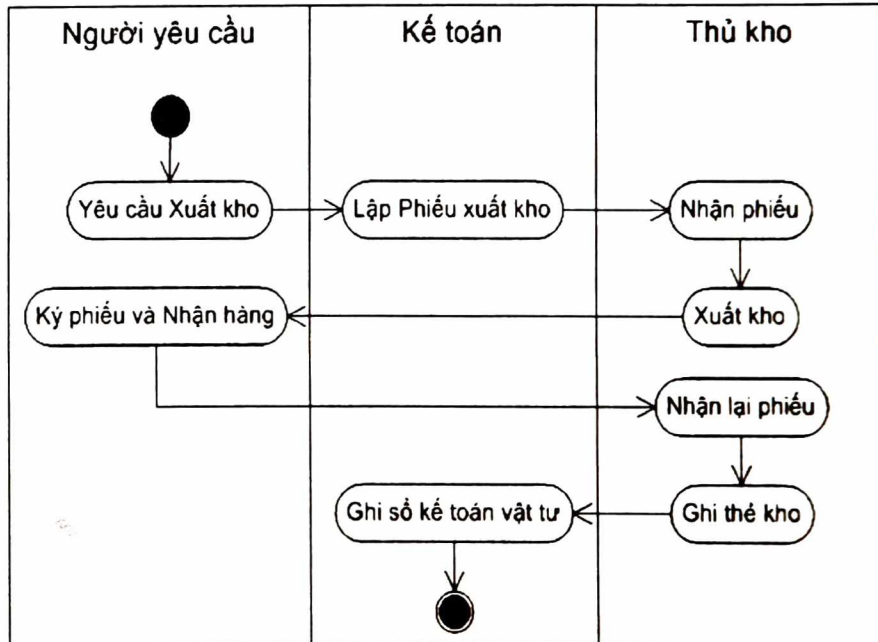
- Kế toán chi tiết vật tư phải thực hiện theo từng kho, từng loại, từng nhóm.

## 2. Mô hình hóa hoạt động nhập, xuất kho

### 2.1. Nhập kho

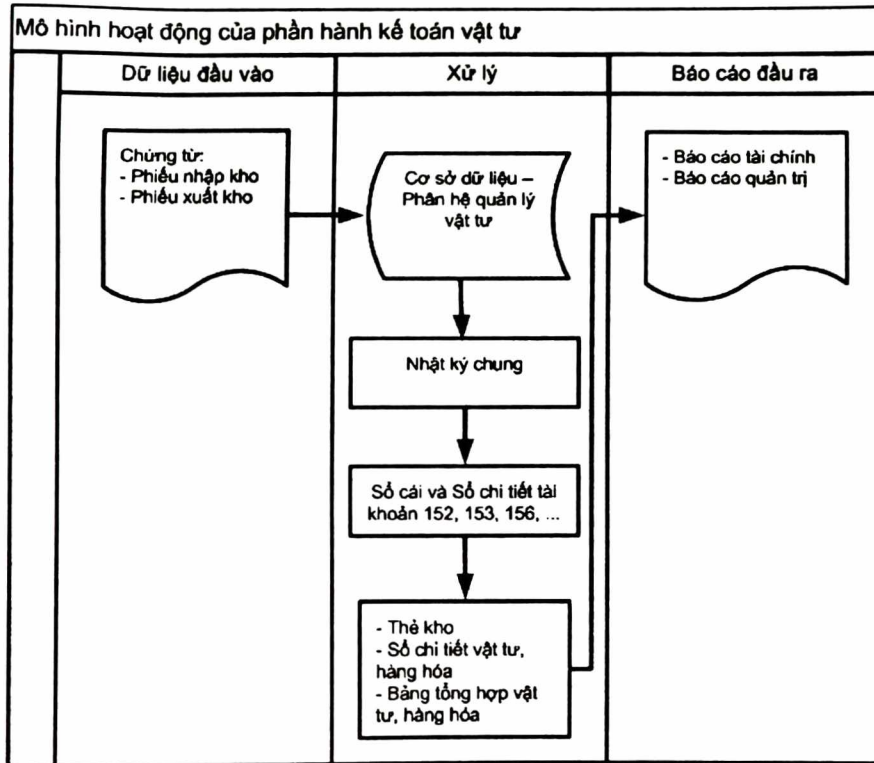


### 2.2. Xuất kho



### 3. Thực hành trên phần mềm kế toán

#### 3.1. Quy trình xử lý trên phần mềm để ra báo cáo



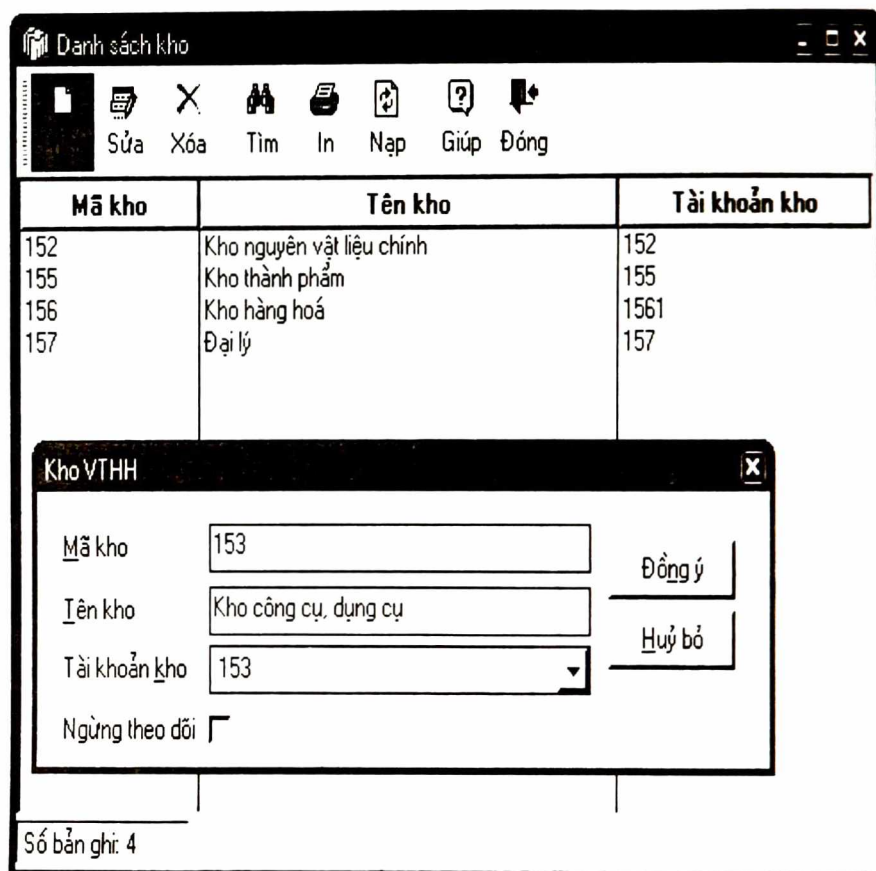
#### 3.2. Thiết lập các danh mục sử dụng trong quản lý vật tư

Để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến quản lý vật tư trong một phần mềm kế toán, người sử dụng cần phải khai báo một số thông tin, danh mục ban đầu như:

##### 3.2.1. Danh mục kho vật tư

Danh mục kho vật tư dùng để theo dõi các kho vật tư và thành phẩm. Khi thiết lập một kho mới, người sử dụng cần

phải nhập đầy đủ các thông tin về: mã kho, tên kho và tài khoản kho.



Mã kho	Tên kho	Tài khoản kho
152	Kho nguyên vật liệu chính	152
155	Kho thành phẩm	155
156	Kho hàng hoá	1561
157	Đại lý	157

**Kho VTHH**

Mã kho:

Tên kho:

Tài khoản kho:

Ngừng theo dõi

Số bản ghi: 4

### 3.2.2. Danh mục vật tư, hàng hóa

Danh mục vật tư dùng để theo dõi mọi phát sinh và theo dõi tồn kho của từng vật tư, hàng hóa nhập kho. Khi khai báo một vật tư, hàng hóa người sử dụng cần nhập các thông tin về: mã vật tư, tên vật tư, nhóm, đơn vị tính, kho ngầm định, tài khoản kho,...



Danh mục vật tư hàng hóa dịch vụ

Thêm Sửa Xóa Tìm In Nạp Giúp Đóng

Mã vật tư	Tên vật tư	SL tồn	Loại	Nhóm
DD_NOKIA6	Điện thoại NOKIA N6	0	Mục liên quan đến	Hàng hoá
DD_NOKIA7	Điện thoại NOKIA N7	0	Mục liên quan đến	Hàng hoá

Vật tư hàng hóa dịch vụ

Mã: DD\_NOKIA6      Loại: Mục liên quan đến kho

Tên: Điện thoại NOKIA N6

Nhóm: HH      Đơn vị:

Loại tiền: VND      Đơn vị quy đổi:

Loại thuế suất: V10      Tỷ lệ quy đổi:

Thông tin chung      Danh mục lắp ráp

Diễn giải khi mua: Điện thoại NOKIA N6

Diễn giải khi bán: Điện thoại NOKIA N6

Số bản ghi:

Giá mua hiện tại: 0.00      Giá bán hiện tại: 0.00

TK giá vốn/Chi phí: 632      TK doanh thu: 5111

Nhà cung cấp:

Thời hạn BH:

Hạch toán tồn kho

Cách tính giá: Bình quân cuối kỳ      SL đặt mua: 0

Kho ngấm định: 156      SL tối thiểu: 0

TK kho: 1561      SL tồn: 0

Ngừng theo dõi           

### 3.3. Các chứng từ đầu vào liên quan

Các chứng từ dùng cho việc hạch toán vật tư bao gồm:

- Phiếu nhập kho.
- Phiếu xuất kho.

Một số mẫu chứng từ điển hình:

## • Phiếu nhập kho

Đơn vị .....  
 Bộ phận: .....

Mẫu số: 01-VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### PHIẾU NHẬP KHO

Ngày .. tháng .. năm ..  
 Số ..

Nợ .....  
 Có .....

- Ho và tên người giao .....
- Theo số .. ngày .. tháng .. năm .. của ..
- Nhập tại kho .. địa điểm ..

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
<b>Cộng</b>		x	x	x	x	x	

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ)
- Số chứng từ gốc kèm theo

Ngày .... tháng .... năm .....

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên)

Người giao hàng  
(Ký, họ tên)

Thủ kho  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Hoặc bộ phận có  
nhu cầu nhập)  
(Ký, họ tên)

## • Phiếu xuất kho

Đơn vị .....  
 Bộ phận: .....

Mẫu số: 02-VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### PHIẾU XUẤT KHO

Ngày .. tháng .. năm ..  
 Số ..

Nợ .....  
 Có .....

- Ho và tên người nhận hàng .. Địa chỉ (bộ phận) ..
- Lý do xuất ..
- Xuất tại kho .. Địa điểm ..

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
<b>Cộng</b>		x	x	x	x	x	

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ)
- Số chứng từ gốc kèm theo

Ngày .... tháng .... năm .....

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng  
(Ký, họ tên)

Thủ kho  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Hoặc bộ phận có  
nhu cầu nhập)  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

### **3.4. Nhập chứng từ vào phần mềm kế toán**

Để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến vật tư trong một phần mềm kế toán, người sử dụng thực hiện theo các bước sau:

- Bước 1: Chọn đến phân hệ có liên quan đến nghiệp vụ vật tư.
- Bước 2: Chọn loại chứng từ cập nhật.
- Bước 3: Nhập chứng từ trên màn hình nhập liệu dành cho chứng từ đó.

Trong phần mềm kế toán, tại màn hình nhập liệu chứng từ của phần hành quản lý vật tư, hàng hóa bao gồm các thông tin:

#### **Phần thông tin chung gồm có:**

- Tên và thông tin về đối tượng: Có thể là thông tin về khách hàng, nhà cung cấp, hoặc nhân viên,... có phát sinh các giao dịch liên quan đến hoạt động nhập, xuất kho.
- Diễn giải: Mô tả nội dung của nghiệp vụ phát sinh.
- Ngày chứng từ: Là ngày phát sinh hoạt động nhập, xuất kho.
- Số chứng từ: Trong các phần mềm thường được tự động đánh số tăng dần, tuy nhiên người sử dụng vẫn có thể sửa lại số chứng từ nếu muốn.

**Phần thông tin chi tiết:** Bao gồm các thông tin về mã vật tư, tên vật tư, kho, tài khoản kho, tài khoản đối ứng, số lượng, đơn giá, thành tiền,...

- Mã vật tư: Dùng để nhận diện duy nhất một vật tư, hàng hóa.
- Tên vật tư: Là tên đầy đủ của vật tư, hàng hóa.
- Kho: Là mã của kho liên quan đến nghiệp vụ của chứng từ được chọn từ danh mục kho đã khai báo. Đó có thể là kho xuất, kho nhập, có thể là kho công ty hoặc kho đại lý.

- Tài khoản kho: Chương trình sẽ lấy căn cứ vào các thông tin khai báo ban đầu của vật tư, hàng hóa (có thể là Tài khoản 152, 153, 156).

- Tài khoản đối ứng: Là tài khoản đối ứng khi hạch toán nghiệp vụ nhập, xuất kho (có thể là Tài khoản 111, 112, 131, 331, 632,...).

- Số lượng: Là số lượng mặt hàng được ghi trên chứng từ nhập, xuất kho.

- Đơn giá: Là số tiền cho một vật tư, hàng hóa.

- Thành tiền = Số lượng x Đơn giá

Trong các phần mềm, giá vốn xuất kho thường được chương trình tự động tính căn cứ vào phương pháp tính giá xuất kho đã khai báo ngay từ khi tạo dữ liệu kế toán mới hoặc khi khai báo vật tư, hàng hóa.

- Nếu đăng ký theo phương pháp “Bình quân cuối kỳ” thì giá xuất kho sẽ được tính sau khi thực hiện chức năng “Cập nhật giá xuất” (luôn có trong các phần mềm). Khi sử dụng phương pháp này giá xuất kho trong kỳ ở các thời điểm đều được tính bình quân như nhau.

- Nếu đăng ký theo phương pháp “Bình quân tức thời” thì giá xuất kho sẽ được tính ngay khi lập phiếu xuất kho trên cơ sở tổng giá trị tồn tính đến thời điểm xuất chia cho tổng số lượng tồn tính đến thời điểm xuất hiện tại. Sử dụng phương pháp này giá xuất kho ở các thời điểm khác nhau trong cùng một kỳ có thể khác nhau.

- Nếu đăng ký phương pháp “Đích danh” thì hệ thống sẽ lấy giá xuất kho theo đúng giá nhập của vật tư đó trên chứng từ nhập kho được chọn.

- Nếu đăng ký phương pháp “Nhập trước, xuất trước”, hệ thống sẽ tự động tính giá xuất theo đúng phương pháp ngay sau khi cất giữ thông tin của phiếu xuất kho.

• Nhập phiếu nhập kho:

**Nhập kho**

Mã chi nhánh:

**Người giao**

Tên:  Công ty TNHH Lan Tân

Địa chỉ:

Điện gửi:

**Chứng từ**

Ngày:

Số CT:

Số CT gốc:

Loại tiền: VND | Tỷ giá: 1

Mã vật tư	Điện gửi	Mã kho	TK Ng	TK đối ứng	Số lượng	Đơn giá (NT)	Thành tiền
TL_TOSH	Tủ lạnh TOSHIBA 60 lít	156	1561	331	12	3 700 000	44 400 000
TL_TOSHIBA	Tủ lạnh TOSHIBA 110 lít	156	1561	331	14	6 900 000	96 600 000
							<b>141 000 000</b>

Vật tư | Đối tượng | Giá thành

• Nhập phiếu xuất kho:

**Xuất kho**

Mã chi nhánh:

**Người nhận**

Tên:

Địa chỉ:

Điện gửi:

**Chứng từ**

Ngày:

Số CT:

Số CT gốc:

Mã vật tư	Điện gửi	Mã kho	TK Có	TK đối ứng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
DD_SAMSUP	Điện thoại SAMSUNG E8	156	1561	6413	1	3 910 000	3 910 000
							<b>3 910 000</b>

Hàng hoá | Đối tượng | Giá thành

**3.5. Xem và in báo cáo vật tư**

Sau khi cập nhật các chứng từ liên quan đến nhập, xuất kho, phần mềm sẽ tự động xử lý và đưa ra các báo cáo liên



quan đến phân nhập, xuất kho. Khi xem các báo cáo, người sử dụng phải chọn các tham số cần thiết.

- Báo cáo Tổng hợp tồn kho:

- Chọn tham số báo cáo như: khoảng thời gian, kho vật tư (một kho, một số kho hoặc tất cả các kho).

- Xem báo cáo

Công ty Cổ phần MISA  
218 Đq. Cầu Đa Đình, Hà Nội

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TỒN KHO**  
Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 15/01/2009

Mã kho: 156      Tên kho:      Kho hàng hoá

STT	Mã hàng	Tên hàng	Đơn vị	Đầu kỳ		Nhập kho		Xuất kho		Cuối kỳ	
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Mã nhóm vật tư				Tên nhóm vật tư				Hàng hoá			
1	DD_SAMSU NGE8	Điện thoại SAMSUNG E8	chiếc	20	79.200.000					20	79.200.000
2	TL_TOSHIBA 110	Tủ lạnh TOSHIBA 110 lít	chiếc			14	99.800.000			14	99.800.000
3	TL_TOSHIBA 60	Tủ lạnh TOSHIBA 60 lít	chiếc			12	44.400.000			12	44.400.000
4	TV_LGPHANG 19	TV LG 19 inches	chiếc	10	24.400.000					10	24.400.000
<b>Cộng (Mã nhóm vật tư)</b>				<b>30</b>	<b>192.000.000</b>	<b>26</b>	<b>144.200.000</b>			<b>66</b>	<b>242.000.000</b>
CÔNG: KHO HÀNG: H1A				30	192.000.000	26	144.200.000			66	242.000.000
TỔNG CỘNG:				30	192.000.000	26	144.200.000			66	242.000.000

Người lập  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- Số chi tiết vật tư, hàng hóa

- Chọn tham số báo cáo: như khoảng thời gian, vật tư, hàng hóa cần in (có thể chọn một, một số hoặc tất cả vật tư, hàng hóa).

Chọn tham số báo cáo

Chọn kỳ báo cáo

Từ ngày  Đến ngày

Thực hiện

Hủy bỏ

Tìm kiếm

Mã vật tư	Tên vật tư
<input checked="" type="checkbox"/> DD_NOKIA6	Điện thoại NOKIA N6
<input checked="" type="checkbox"/> DD_NOKIA7	Điện thoại NOKIA N7
<input checked="" type="checkbox"/> DD_SAMUNGD9	Điện thoại SAMSUNG D9
<input checked="" type="checkbox"/> DD_SAMUNGE8	Điện thoại SAMSUNG E8
<input checked="" type="checkbox"/> DH_SHIMAZU12	Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 12000BTU
<input checked="" type="checkbox"/> DH_SHIMAZU24	Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 24000BTU
<input checked="" type="checkbox"/> DIENCO91	Quạt điện cơ 91
<input checked="" type="checkbox"/> MVTFUJI	Máy vi tính Fujii
<input checked="" type="checkbox"/> TL_TOSHIBA110	Tủ lạnh TOSHIBA 110 lít

Chọn tất/bỏ tất

- Xem báo cáo:

Công ty Cổ phần MISA

218 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

SỐ CHI TIẾT VẬT TƯ HÀNG HOÁ TRÊN NHIỀU KHO

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 15/01/2009

Mã kho	Ngày	Số	Loại	Địa điểm	Đơn giá	Nhập kho		Xuất kho		Toa kho	
						Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Mã hàng		DD_SAMUNGE8	Tên hàng		Điện thoại SAMSUNG E8						
156	31/12/2008			(Số tồn đầu kỳ)						20	78.200.000
Cộng mặt hàng		DD_SAMUNGE8	trong kho		156					20	78.200.000
Tổng cộng mặt hàng		DD_SAMUNGE8								20	78.200.000
Mã hàng		TL_TOSHIBA110	Tên hàng		Tủ lạnh TOSHIBA 110 lít						
156	12/01/2009	NK000001	Nhập kho	Công ty TNHH Lan Tân	6.000.000	14	84.000.000			14	84.000.000
Cộng mặt hàng		TL_TOSHIBA110	trong kho		156		14	84.000.000		14	84.000.000
Tổng cộng mặt hàng		TL_TOSHIBA110					14	84.000.000		14	84.000.000
Mã hàng		TL_TOSHIBA60	Tên hàng		Tủ lạnh TOSHIBA 60 lít						
156	12/01/2009	NK000001	Nhập kho	Công ty TNHH Lan Tân	3.700.000	12	44.400.000			12	44.400.000
Cộng mặt hàng		TL_TOSHIBA60	trong kho		156		12	44.400.000		12	44.400.000
Tổng cộng mặt hàng		TL_TOSHIBA60					12	44.400.000		12	44.400.000
Mã hàng		TV_LGPHANG19	Tên hàng		Tivi LG 19 inches						
156	31/12/2008			(Số tồn đầu kỳ)						10	24.000.000
Cộng mặt hàng		TV_LGPHANG19	trong kho		156					10	24.000.000
Tổng cộng mặt hàng		TV_LGPHANG19								10	24.000.000

Người lập  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



#### **4. Bài tập thực hành**

Tại Công ty TNHH ABC có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến kho vật tư, hàng hóa như sau:

1. Ngày 12/01/2009 mua hàng nhập kho của Công ty TNHH Lan Tân (hàng về trước, hóa đơn về sau).

Tủ lạnh TOSHIBA 60 lít số lượng: 12 cái, đơn giá: 3.700.000 (đ/cái)

Tủ lạnh TOSHIBA 110 lít số lượng: 14 cái, đơn giá: 6.900.000 (đ/cái)

2. Ngày 20/01/2009 xuất hàng cho nhân viên kinh doanh sử dụng tính vào chi phí bán hàng.

Điện thoại SAMSUNG E8 số lượng: 01 cái

3. Ngày 25/01/2009 xuất kho hàng gửi bán đại lý Thanh Xuân.

Tivi TV\_LGPHANG19 số lượng: 5 cái

Điện thoại SAMSUNG D8 số lượng: 8 cái

4. Ngày 29/01/2009 mua hàng về nhập kho của Công ty cổ phần Tân Văn (hàng về trước, hóa đơn về sau).

Quạt điện cơ 91 số lượng: 05 cái, đơn giá: 300.000 (đ/cái)

5. Ngày 12/02/2009 xuất Quạt điện cơ 91 sử dụng cho phòng kế toán, số lượng tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Yêu cầu:

- Khai báo danh mục nhà cung cấp, nhân viên, vật tư hàng hóa (thông tin về danh sách lấy phần Bài tập thực hành Chương 2).

- Hạch toán các nghiệp vụ phát sinh vào phần mềm.

- Cập nhật giá xuất kho (bút toán tự động).

- In Báo cáo tổng hợp tồn kho; Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa; Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa; Thẻ kho...

## Chương V

# KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Sau khi hoàn thành Chương này, bạn có thể nắm được:

- Nguyên tắc hạch toán.
- Mô hình hoạt động tăng, giảm tài sản cố định.
- Sơ đồ hạch toán kế toán tài sản cố định.
- Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán.

### 1. Nguyên tắc hạch toán

- Đánh giá tài sản cố định phải theo nguyên tắc đánh giá giá thực tế hình thành tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định.

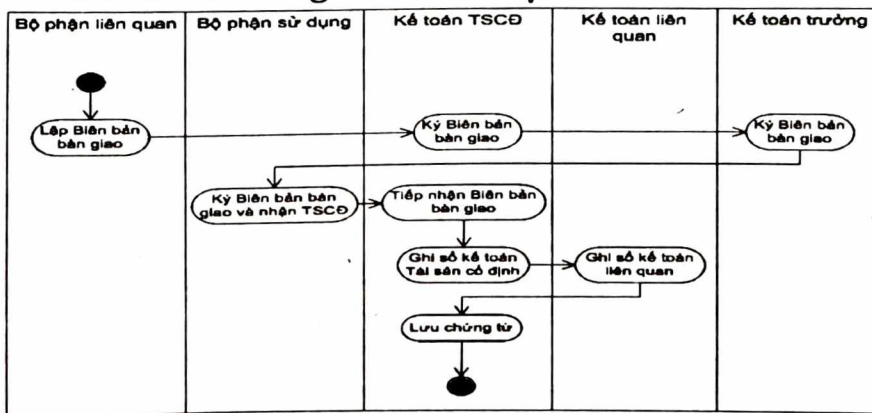
- Kế toán tài sản cố định phải phản ánh được 3 chỉ tiêu giá trị của tài sản cố định: Nguyên giá, giá trị khấu hao lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định.

Giá trị còn lại = Nguyên giá - Giá trị khấu hao lũy kế của tài sản cố định

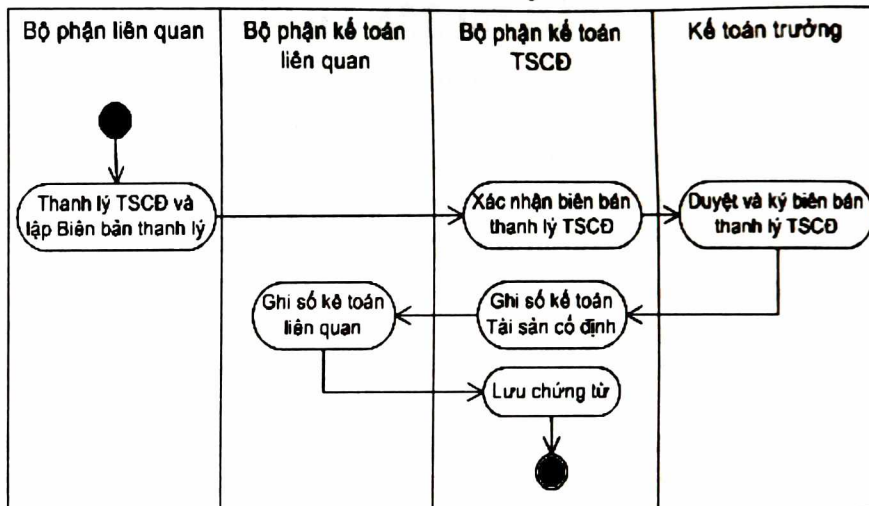
- Tài sản cố định phải được phân loại theo các phương pháp được quy định trong Hệ thống báo cáo tài chính và hướng dẫn của cơ quan thống kê, phục vụ cho yêu cầu quản lý của Nhà nước.

### 2. Mô hình hóa hoạt động tăng, giảm tài sản cố định

#### 2.1. Kế toán tăng tài sản cố định

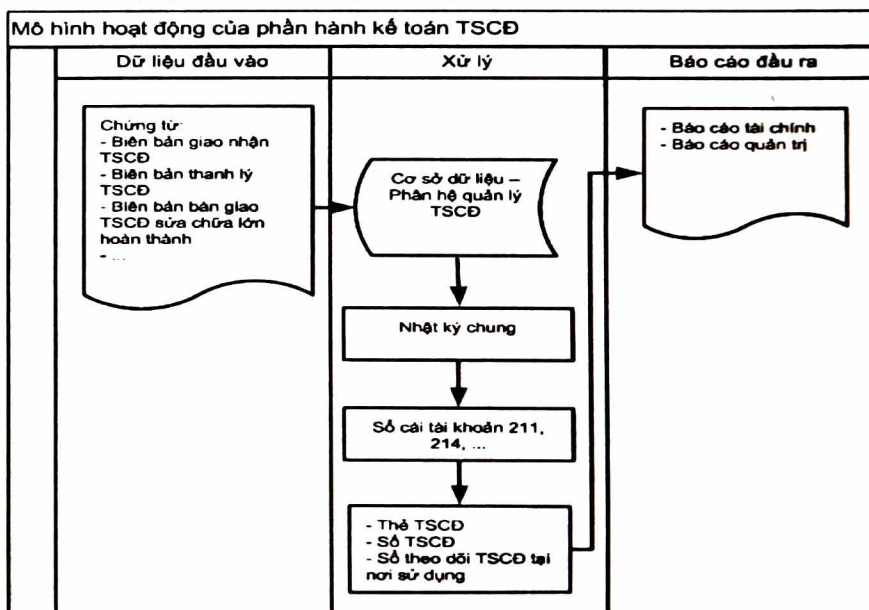


## 2.2. Kế toán giảm tài sản cố định



## 3. Thực hành trên phần mềm kế toán

### 3.1. Quy trình xử lý trên phần mềm để ra báo cáo

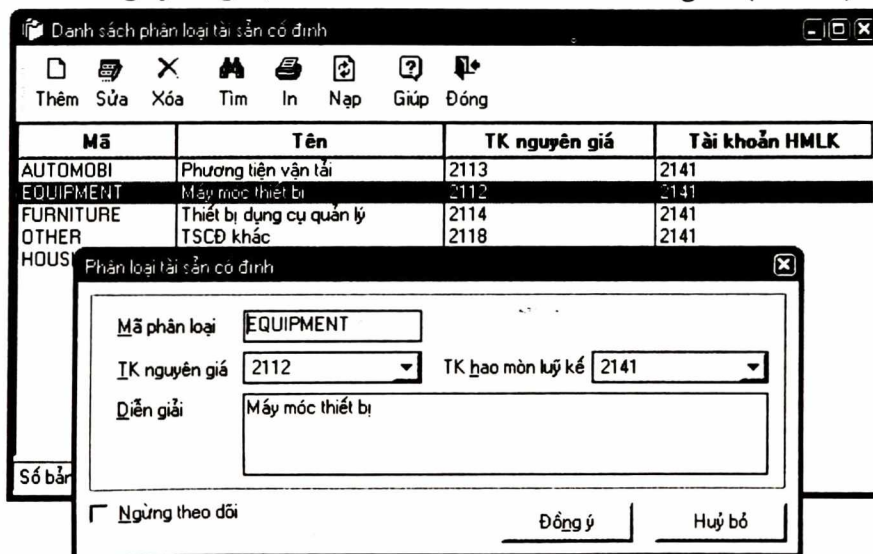


### 3.2. Thiết lập các danh mục sử dụng trong quản lý tài sản cố định

Để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến quản lý tài sản cố định trong một phần mềm kế toán, người sử dụng cần phải khai báo một số thông tin, danh mục ban đầu như danh mục đối tượng nhà cung cấp (tham khảo cách khai báo danh mục trong Chương 2). Ngoài ra, còn cần phải khai báo một số danh mục sau:

#### 3.2.1. Loại tài sản cố định

Danh mục loại tài sản cố định dùng để theo dõi các tài sản cố định theo từng loại trên các báo cáo liên quan đến tài sản cố định. Khi thiết lập một loại tài sản cố định mới, người sử dụng cần phải nhập đầy đủ các thông tin về: mã loại, tài khoản nguyên giá, tài khoản hao mòn và Diễn giải (nếu có).



Mã	Tên	TK nguyên giá	Tài khoản HMLK
AUTOMOBIL	Phương tiện vận tải	2113	2141
EQUIPMENT	Máy móc thiết bị	2112	2141
FURNITURE	Thiết bị dụng cụ quản lý	2114	2141
OTHER	TSCĐ khác	2118	2141
HOUSING			

Mã phân loại	EQUIPMENT		
TK nguyên giá	2112	TK hao mòn lũy kế	2141
Diễn giải	Máy móc thiết bị		

Ngừng theo dõi           

#### 3.2.2. Danh sách tài sản cố định

Khai báo danh mục tài sản cố định nhằm mục đích quản lý chi tiết từng tài sản cố định, theo dõi toàn bộ quá trình sử dụng của tài sản cố định từ khi bắt đầu mua về cho đến khi thanh lý. Trong một số phần mềm khi khai báo tài sản cố



định có phần khai báo tình trạng sử dụng của tài sản cố định, việc này giúp cho người sử dụng theo dõi được tình trạng của tài sản cố định: Mua về chưa khấu hao, đang tính khấu hao, ngừng khấu hao hoặc chuyển thành công cụ, dụng cụ,... Khi thiết lập một tài sản cố định mới, người sử dụng cần phải nhập đầy đủ các thông tin về: mã tài sản cố định, tên tài sản cố định, phòng ban sử dụng, loại tài sản, ngày mua, ngày bắt đầu khấu hao, nguyên giá, hao mòn lũy kế đầu kỳ, thời gian sử dụng, tài khoản nguyên giá, tài khoản hao mòn (thông thường các mục này thường được lấy căn cứ từ loại tài sản cố định đã chọn),...

**Danh sách tài sản cố định**

Mã tài sản	Tên tài sản	Nguyên giá	Phân loại	Đơn vị SD	Người SD
MVT1	Máy vi tính Intel 01	12 000 000	EQUIPMENT		
MVT2	Máy vi tính 02	10 000 000	EQUIPMENT		
NHA1	Nhà A1	150 000 000	HOUSE		
OTO12	Xe TOYOTA 12 chỗ ngồi	850 000 000	AUTOMOBIL		
MVT_INTEL	Máy vi tính Intel	10 000 000	EQUIPMENT		

**Khai báo tài sản cố định**

Thông tin chung | **Thông tin khấu hao** | Thông tin ghi tăng | Mã chi nhánh

Ngày mua: 12/01/2009 | Tình trạng: Mua mới | Ngày SD (bắt đầu KH): 24/01/2009

TK Nguyên giá: 2112 | TK Hao mòn: 2141 | TK Chi phí: 6424 | Giá thành: [ ]

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá: 10.000.000 | Thời gian sử dụng: 3 Năm

HMLK đầu kỳ: [ ] | Khấu hao hàng năm: 3.333.333

Giá trị tính khấu hao: 10.000.000 | Khấu hao hàng tháng: 277.778

Thanh lý: Ngày thanh lý: [ ] / [ ] / [ ] | Lý do: [ ]

Đồng ý | Hủy bỏ

### 3.3. Các chứng từ đầu vào liên quan

Các chứng từ dùng cho việc hạch toán vật tư bao gồm:

- Các chứng từ gốc liên quan đến tài sản cố định như: phiếu chi, phiếu thu của hoạt động mua, bán, thanh lý tài sản cố định.

- Biên bản giao nhận tài sản cố định.

👉 Biên bản thanh lý tài sản cố định.

- Biên bản bàn giao tài sản cố định sửa chữa lớn hoàn thành.

- Biên bản đánh giá lại tài sản cố định.

- Chứng từ ghi giảm tài sản cố định.

- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.

Đơn vị .....

Mẫu số: 01-TSCĐ

Bộ phận: .....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### BIÊN BẢN GIAO NHẬN TSCĐ

Ngày ... tháng ... năm ...

Số .....

Nợ .....

Có: .....

- Căn cứ Quyết định số: ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của: .....  
về việc bàn giao TSCĐ:

- I. Ban giao nhận TSCĐ gồm:

- Ông / Bà ..... chức vụ: ..... Đại diện bên giao

- Ông / Bà ..... chức vụ: ..... Đại diện bên nhận

- Ông / Bà ..... chức vụ: ..... Đại diện

Địa điểm giao nhận TSCĐ: .....

Xác nhận việc giao nhận TSCĐ như sau:

Số TT	Tên, ký hiệu, quy cách (cấp hạng TSCĐ)	Số hiệu TSCĐ	Nước sản xuất (XD)	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Công suất (điện tích thiết kế)	Tinh nguyên giá TSCĐ					
							Giá mua (ZSX)	Chi phí vận chuyển	Chi phí xây dựng	...	Nguyên giá TSCĐ	Tài liệu kỹ thuật kèm theo
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	E
	Cộng	x	x	x	x	x						x

### DỤNG CỤ, PHỤ TÙNG KÈM THEO

STT	Tên, quy cách dụng cụ, phụ tùng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị
A	B	C	1	2

Giám đốc bên nhận  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng bên nhận  
(Ký, họ tên)

Người nhận  
(Ký, họ tên)

Người giao  
(Ký, họ tên)

Đơn vị .....

Bộ phận: .....

Mẫu số: 02-TSCĐ

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày ... tháng ... năm ...

Số: .....

Nợ .....

Có .....

- Căn cứ Quyết định số: ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của: .....  
..... về việc thanh lý tài sản cố định

### I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- Ông /Bà ..... Chức vụ: ..... Đại diện ..... Trưởng ban

- Ông /Bà ..... Chức vụ: ..... Đại diện ..... Ủy viên

- Ông /Bà ..... Chức vụ: ..... Đại diện ..... Ủy viên

### II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng TSCĐ): .....

- Số hiệu TSCĐ: .....

- Nước sản xuất (xây dựng): .....

- Năm sản xuất: .....

- Năm đưa vào sử dụng: ..... Số thẻ TSCĐ: .....

- Nguyên giá TSCĐ: .....

- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: .....

- Giá trị còn lại của TSCĐ: .....

### III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ:

.....

.....

Ngày ... tháng ... năm ...

Trưởng ban thanh lý

(Ký, họ tên)

### IV. Kết quả thanh lý TSCĐ:

- Chi phí thanh lý TSCĐ: ..... (viết bằng chữ) .....

- Giá trị thu hồi: ..... (viết bằng chữ) .....

- Đã ghi giảm số TSCĐ ngày ..... tháng ..... năm .....

Ngày ... tháng ... năm ...

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

### 3.4. Nhập chứng từ vào phần mềm kế toán

Để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến tài sản cố định trong một phần mềm kế toán, người sử dụng thực hiện theo các bước sau:



- Bước 1: Chọn đến phân hệ có liên quan đến nghiệp vụ tài sản cố định.

- Bước 2: Chọn loại chứng từ cập nhật.

- Bước 3: Nhập chứng từ trên màn hình nhập liệu dành cho chứng từ đó.

☞ Khai báo tài sản cố định

**Khai báo thông tin chung: cho phép người sử dụng nhập các thông tin chung, tổng quan về tài sản cố định như:**

Mã tài sản cố định: Dùng để nhận diện một tài sản cố định.

Tên tài sản cố định: Là tên đầy đủ của tài sản cố định.

Loại tài sản cố định: Xem tài sản cố định này thuộc loại nào? máy móc thiết bị, phương tiện vận tải,...

Tình trạng hiện nay: Là tình trạng sử dụng của tài sản cố định như đang dùng, mua mới, thanh lý.

Ngoài ra người sử dụng có thể khai báo thêm các thông tin khác như: Mô tả tài sản cố định, năm sản xuất, nhà cung cấp, địa chỉ, số hóa đơn,...

Thông tin chung		Thông tin khấu hao		Thông tin ghi tăng		Mã chi nhánh	
Mã số	MPDIEN	Tên tài sản	Máy phát điện				
Mô tả							
Số hiệu		Năm SX		Nước SX		Thời gian BH	
Phụ kiện							
Loại tài sản	EQUIPMENT	Tình trạng hiện nay	Đang dùng				
Đơn sử dụng		Người sử dụng					
Nhà cung cấp	Công ty Hữu Toàn	Địa chỉ NCC					
Số HĐ mua		Số đơn đặt hàng					

**Khai báo thông tin khấu hao:** cho phép nhập các thông tin chi tiết về tài sản cố định, giúp cho người sử dụng thuận tiện trong việc quản lý tài sản cố định như:

- Ngày mua: là ngày phát sinh hoạt động mua tài sản cố định.

- Ngày khấu hao: Là ngày bắt đầu khấu hao (trong một số trường hợp, ngày khấu hao có thể phát sinh sau ngày mua. Ví dụ: Mua tài sản cố định vào ngày 25-01 nhưng đến 01/03 mới bắt đầu tính khấu hao cho tài sản cố định đó).

- Nguyên giá: Là giá trị ban đầu của tài sản cố định.

- Thời gian sử dụng: Là số năm sử dụng của tài sản cố định.

Ngoài ra, người sử dụng có thể nhập một số thông tin khác tương ứng trong các phần mềm kế toán.

Thông tin chung		Thông tin khấu hao		Thông tin ghi tăng		Mã chi nhánh	
Ngày mua	22/01/2009	TK Nguyên giá	2112				
Tình trạng	Mua mới	TK Hao mòn	2141				
Ngày SD (bắt đầu KH)	25/01/2009	TK Chi phí	6424				
		Giá thành					
Phương pháp khấu hao							
Nguyên giá	50,000,000	Thời gian sử dụng	5	Năm			
HMLK đầu kỳ		Khấu hao hàng năm	10,000,000				
Giá trị tính khấu hao	50,000,000	Khấu hao hàng tháng	833,333				
Thanh lý							
Ngày thanh lý		Lý do					
Đồng ý   Hủy bỏ							

**Khai báo thông tin ghi tăng:** Trong một số phần mềm kế toán, khi người sử dụng khai báo xong một tài sản cố định mua mới trong năm, thì chương trình sẽ tự động sinh chứng từ ghi tăng tài sản cố định, và thông tin trên chứng từ đó sẽ được lấy căn cứ vào các thông tin đã được khai báo của tài sản cố định.

Khai báo tài sản cố định

Thông tin chung | Thông tin khấu hao | **Thông tin ghi tăng** | Mã chi nhánh

Chứng từ

Số: GT000002

Ngày: 22/01/2009

TK đối ứng: 1111

Phải trả nhà cung cấp: CT\_HUUTOAN

Tạm ứng của nhân viên:

Tự động ghi sổ

Đồng ý | Hủy bỏ

☞ Sinh chứng từ ghi tăng tài sản cố định

### Phân thông tin chung

Chứng từ ghi tăng tài sản cố định

Trước Sau Sửa Cắt Bỏ ghi Hoàn In Duyệt Nạp Mẫu Giúp Đóng

**Ghi tăng tài sản cố định** Tháng 1 năm 2009

Mã tài sản: MPDIEN Máy phát điện Ngày: 22/01/2009

Diễn giải: Ghi tăng tài sản cố định tháng 1 năm 2009 Số: GT000002

**Thông tin chung** Định khoản Thuế

Nguyên giá	50.000.000	Nguyên giá điều chỉnh	50.000.000
Hao mòn lũy kế		HMLK điều chỉnh	
Giá trị tính KH	50.000.000	Thời gian sử dụng	5 Năm
Trích KH/Năm	10.000.000	Trích KH/Tháng	833.333
TK nguyên giá	2112	Tình trạng hiện nay	Đang dùng
Tài khoản HMLK	2141	Phân loại	EQUIPMENT
Tài khoản trích KH	6424	Phòng ban	
Giá thành		Người sử dụng	

Tài khoản đối ứng: 1111 Định khoản >>

## Phần định khoản

Chương trình ghi tăng tài sản cố định

Tháng 1 năm 2009

Mã tài sản: MPDIEN Máy phát điện Ngày: 22/01/2009

Diễn giải: Ghi tăng tài sản cố định tháng 1 năm 2009 Số: GT000002

Thông tin chung Định khoản Thuế

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Quy đổi	Diễn giải
2112	1111	50 000 000.00	50 000 000	Giá trị còn lại
1332	1111	5 000 000.00	5 000 000	Thuế GTGT

Định khoản  Giá thành

## Phần thuế

Chương trình ghi tăng tài sản cố định

Tháng 1 năm 2009

Mã tài sản: MPDIEN Máy phát điện Ngày: 22/01/2009

Diễn giải: Ghi tăng tài sản cố định tháng 1 năm 2009 Số: GT000002

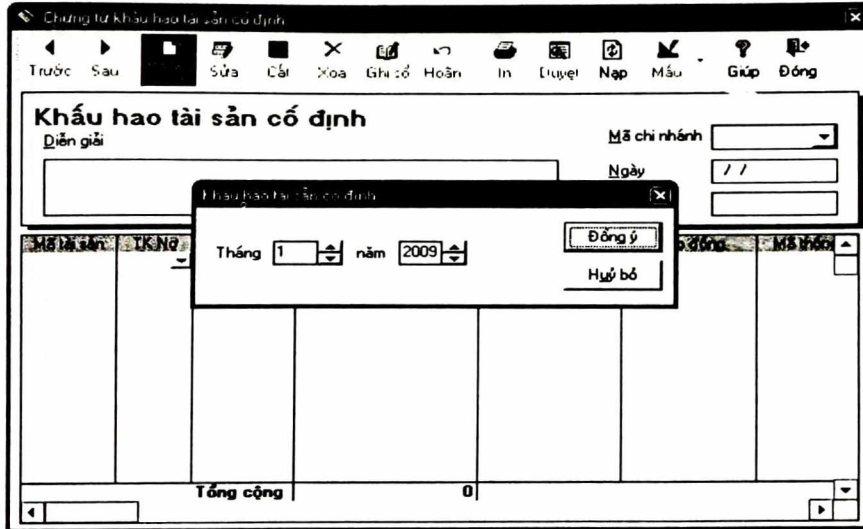
Thông tin chung Định khoản Thuế

Loại thuế	Loại phát sinh	Loại tiền	Tỷ giá	Tiền thuế	Tiền thuế quy đổi	Thuế
02	Thuế được khấu trừ đầu vào	VND	1	5 000 000.00	5 000 000	

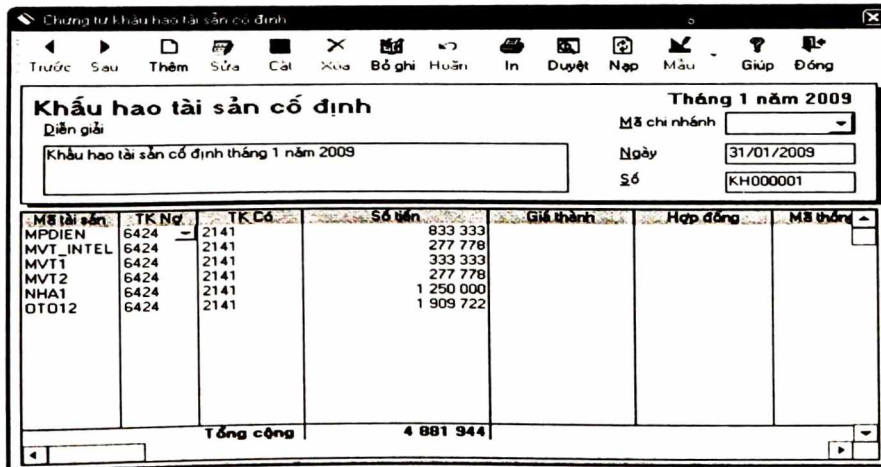
Tiền thuế  Hoá đơn  Hàng hoá

### ☞ Khấu hao tài sản cố định

Trên các phần mềm kế toán, việc khấu hao TSCĐ sẽ được thực hiện vào thời điểm cuối tháng trước khi thực hiện việc kết chuyển số dư để xác định kết quả kinh doanh của từng tháng.



Nhấn “Đồng ý”, hệ thống phần mềm sẽ căn cứ vào các thông tin đã khai báo của từng tài sản cố định như: Nguyên giá, ngày khấu hao, số năm sử dụng,... để tự động tính khấu hao.





## Ghi giảm tài sản cố định

Khi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định người sử dụng thực hiện ghi giảm bằng cách chọn tài sản cố định đó để lập chứng từ ghi giảm.

### Phần thông tin chung

Chứng từ ghi giảm tài sản cố định

Tháng 2 năm 2009

Mã tài sản: MVT2    Máy vi tính Intel 02    Ngày: 25/02/2009

Diễn giải: Ghi giảm tài sản cố định tháng 2 năm 2008    Số: GG000001

Thông tin chung	Định khoản	Thuyết	
Nguyên giá	10.000.000	Nguyên giá điều chỉnh	-10.000.000
Hao mòn lũy kế	6.977.778	HMLK điều chỉnh	6.977.778
Giá trị tính KH	10.000.000	Thời gian sử dụng	3 Năm
Trích KH/Năm	3.333.333	Trích KH/Tháng	277.778
TK nguyên giá	2112	Tình trạng hiện nay	Đã thanh lý
Tài khoản HMLK	2141	Phân loại	EQUIPMENT
Tài khoản trích KH	6424	Phòng ban	
Giá thành		Người sử dụng	
Tài khoản đối ứng		Định khoản >>	

### Phần định khoản

Chứng từ ghi giảm tài sản cố định

Tháng 2 năm 2009

Mã tài sản: MVT2    Máy vi tính Intel 02    Ngày: 25/02/2009

Diễn giải: Ghi giảm tài sản cố định tháng 2 năm 2008    Số: GG000001

Thông tin chung		Định khoản	Thuyết
TK Ng	TK Có	Số tiền	Quy đổi
2141	2112	6.977.778 00	6.977.778
811	2112	3.022.222 00	3.022.222

Diễn giải

Định khoản    Giá thành

### 3.5. Xem và in báo cáo tài sản cố định

Sau khi cập nhật các chứng từ liên quan đến tài sản cố định, phần mềm sẽ tự động xử lý và đưa ra các báo cáo về tài sản cố định. Khi xem các báo cáo, người sử dụng phải chọn các tham số cần thiết.

☞ Danh sách tài sản cố định

- Chọn tham số báo cáo như: khoảng thời gian, loại tài sản.

Chọn tham số báo cáo ✖

Đến ngày	<input type="text" value="31/01/2009"/>	<input type="button" value="Thực hiện"/>
Loại TSCĐ	<input type="text" value=""/>	<input type="button" value="Hủy bỏ"/>
<input checked="" type="checkbox"/> Tất cả		

- Xem báo cáo:

Công ty TNHH ABC

100 Hùng Vương, Q Tây Hồ, Hà Nội

#### DANH SÁCH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 31/01/2009

Loại TSCĐ :           AUTOMOBIL

Ten loại : Phương tiện vận tải

Mã TSCĐ	Ten TSCĐ	Số hiệu	Ngày sử dụng	Thời gian sử dụng	Nguyên giá	Mức khấu hao năm	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
OTO12	Xe TOYOTA 12 chỗ ngồi		01/01/2002	12 Năm	670.000.000	22.916.667	506.000.722	273.000.278
<b>Cộng</b>					<b>670.000.000</b>	<b>22.916.667</b>	<b>506.000.722</b>	<b>273.000.278</b>

Loại TSCĐ :           EQUIPMENT

Ten loại : Máy móc thiết bị

Mã TSCĐ	Ten TSCĐ	Số hiệu	Ngày sử dụng	Thời gian sử dụng	Nguyên giá	Mức khấu hao năm	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
MPD	Máy phát điện		25/01/2009	5 Năm	50.000.000	10.000.000	800.000	49.200.000
<b>Cộng</b>					<b>50.000.000</b>	<b>10.000.000</b>	<b>800.000</b>	<b>49.200.000</b>

Loại TSCĐ :           FURNITURE

Ten loại : Thiết bị dụng cụ quản lý

Mã TSCĐ	Ten TSCĐ	Số hiệu	Ngày sử dụng	Thời gian sử dụng	Nguyên giá	Mức khấu hao năm	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
MVT1	Máy vi tính Intel 01		01/01/2007	3 Năm	12.000.000	4.000.000	8.333.333	3.666.667
MVT2	Máy vi tính Intel 02		01/01/2007	3 Năm	10.000.000	3.333.333	6.077.778	3.922.222
MVT_INTEL	Máy vi tính Intel		24/01/2009	3 Năm	10.000.000	3.333.333	277.778	6.722.222
<b>Cộng</b>					<b>32.000.000</b>	<b>10.666.666</b>	<b>15.688.889</b>	<b>16.311.111</b>

Loại TSCĐ :           HOUSE

Ten loại : Nhà cửa, vật kiến trúc

Mã TSCĐ	Ten TSCĐ	Số hiệu	Ngày sử dụng	Thời gian sử dụng	Nguyên giá	Mức khấu hao năm	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
NHA1	Nhà A1		01/01/2003	10 Năm	150.000.000	15.000.000	91.250.000	58.750.000
<b>Cộng</b>					<b>150.000.000</b>	<b>15.000.000</b>	<b>91.250.000</b>	<b>58.750.000</b>



☞ **Sổ tài sản cố định**

- Chọn tham số báo cáo như: khoảng thời gian, loại tài sản.

Chọn tham số báo cáo

Từ ngày: 01/01/2009      Đến ngày: 31/01/2009     

Loại TSCĐ      FURNITURE     

Tất cả

- Xem báo cáo:

Công ty TNHH ABC

100 Hùng Vương, Q Tây Hồ, Hà Nội

**SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/01/2009

Mã số S21-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Loại TSCĐ: FURNITURE      Tên loại: Thiết bị dụng cụ quản lý

STT	Ghi tăng TSCĐ						Khấu hao TSCĐ			Ghi giảm TSCĐ		
	Chứng từ		Tên TSCĐ	Nước sản xuất	Thời gian dùng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Chứng từ		Lý do
	Số hiệu	Ngày, tháng						Tỷ lệ khấu hao	Mức khấu hao	Số hiệu	Ngày, tháng	
Số hiệu TSCĐ		MVT_INTEL		Tên TSCĐ		Máy vi tính Intel						
1	GT000001	12/01/2009	Máy vi tính Intel		1/24/2009	MVT_INTEL	10.000.000					
2	KH000001	31/01/2009	Máy vi tính Intel		1/24/2009	MVT_INTEL		27.778	27.778			
Số hiệu TSCĐ		MVT1		Tên TSCĐ		Máy vi tính Intel 01						
3	KH000001	31/01/2009	Máy vi tính Intel 01		1/1/2007	MVT1		333.333	8.333.333			
Số hiệu TSCĐ		MVT2		Tên TSCĐ		Máy vi tính Intel 02						
4	KH000001	31/01/2009	Máy vi tính Intel 02		1/1/2007	MVT2		27.778	8.977.778			
<b>Tổng cộng</b>							<b>10.000.000</b>	<b>888.889</b>				

Số này có 1 trang đính số từ trang 1 đến trang 1

Ngày mở sổ .....

Ngày ... tháng ... năm 200...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

☞ **Thẻ tài sản cố định**

- Chọn tham số báo cáo như: thời gian, tên tài sản.

Chọn tham số báo cáo

Đến ngày: 31/01/2009

Mã TSCĐ: OT012

Thực hiện

Hủy bỏ

- Xem báo cáo:

Công ty TNHH ABC

100 Hùng Vương, Q Tây Hồ, Hà Nội

**THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Ngày 31/01/2009

Mẫu số S23-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số. Ngày. Tháng. Năm.

Tên TSCĐ: Xe TOYOTA 12 chỗ ngồi Số hiệu:

Nước sản xuất: Năm sản xuất:

Ngày mua: 01/01/2002 Ngày sử dụng: 01/01/2002

Công suất (diện tích thiết kế)

Định chỉ sử dụng TSCĐ ngày. tháng. Năm.

Lý do đình chỉ

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá TSCĐ			Giá trị hao mòn TSCĐ		
	Ngày. Tháng. Năm	Diễn giải	Nguyên giá	Nam	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
FIX_000011	31/12/2008	Ghi tăng TSCĐ	880.000.000	2002		
ĐC000001	16/01/2009	Điều chỉnh TSCĐ	870.000.000	2002		
KH000001	31/01/2009	Khấu hao	870.000.000	2002	1.909.722	598.809.722

Lý do ghi giảm:

Ngày ..... tháng ..... năm 200...

Người lập  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kê toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**4. Bài tập thực hành**

Tại Công ty TNHH ABC có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến tài sản cố định như sau:

1. Ngày 12/01/2009 mua mới một máy tính Intel của Công ty Trần Anh cho phòng kế toán (chưa thanh toán tiền)

theo hóa đơn số 0045612, ký hiệu: AB/2009T. Số tiền: 10.000.000 (đồng). VAT: 10%. Thời gian sử dụng 3 năm. Ngày bắt đầu sử dụng: 24/01/2009.

2. Ngày 16/01/2009, Công ty cổ phần Tân Văn bàn giao xe TOYOTA 12 chỗ ngồi do sửa chữa hoàn thành, nguyên giá mới là: 870.000.000 đồng (tăng 20.000.000 đồng so với nguyên giá cũ), thời gian sử dụng mới 12 năm. Thanh toán tiền cho Công ty cổ phần Tân Văn bằng tiền mặt.

3. Ngày 22/01/2009 mua mới một máy phát điện của Công ty Hữu Toàn đã thanh toán bằng tiền mặt theo hóa đơn số 007852, ký hiệu: KY/2009. Số tiền: 50.000.000 đồng. VAT: 10%. Thời gian sử dụng 5 năm. Ngày bắt đầu sử dụng: 25/01/2009.

4. Ngày 25/02/2009, nhượng bán máy vi tính 02 cho Công ty cổ phần Thái Lan thu bằng tiền mặt: 4.000.000 đồng, VAT: 10%. Theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 0075495; ký hiệu: AB/2009T

Yêu cầu:

- Khai báo danh mục khách hàng, nhà cung cấp, tài sản cố định (thông tin danh sách lấy phần Bài tập thực hành Chương 2).

- Hạch toán các nghiệp phát sinh vào phần mềm.

- Tính khấu hao tài sản cố định từng tháng (bút toán tự động).

- In Danh sách tài sản cố định tại nơi sử dụng; Sổ tài sản cố định; Sổ theo dõi tài sản cố định tại nơi sử dụng; Thẻ tài sản cố định,...

## Chương VI

# KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG

Sau khi hoàn thành Chương này, bạn có thể nắm được:

- Nguyên tắc hạch toán.
- Mô hình hoạt động tiền lương.
- Sơ đồ hạch toán kế toán tiền lương.
- Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán.

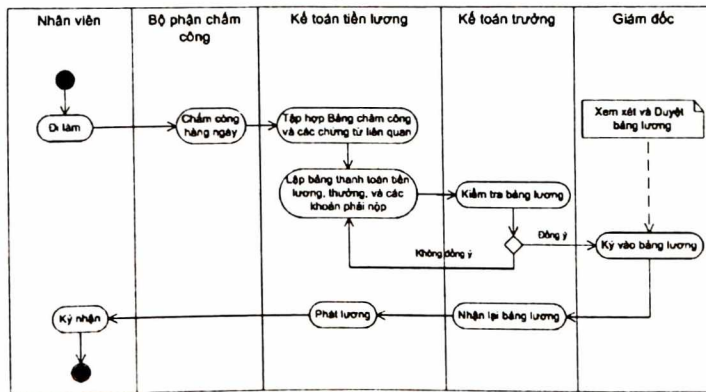
### 1. Nguyên tắc hạch toán

- Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương phải hạch toán chi tiết số lượng lao động, thời gian lao động và kết quả lao động.

- Căn cứ vào Bảng chấm công, Phiếu làm thêm giờ, Phiếu giao nộp sản phẩm, Hợp đồng giao khoán, Phiếu nghỉ hưởng bảo hiểm xã hội,... để lập bảng tính và thanh toán lương và bảo hiểm xã hội cho người lao động.

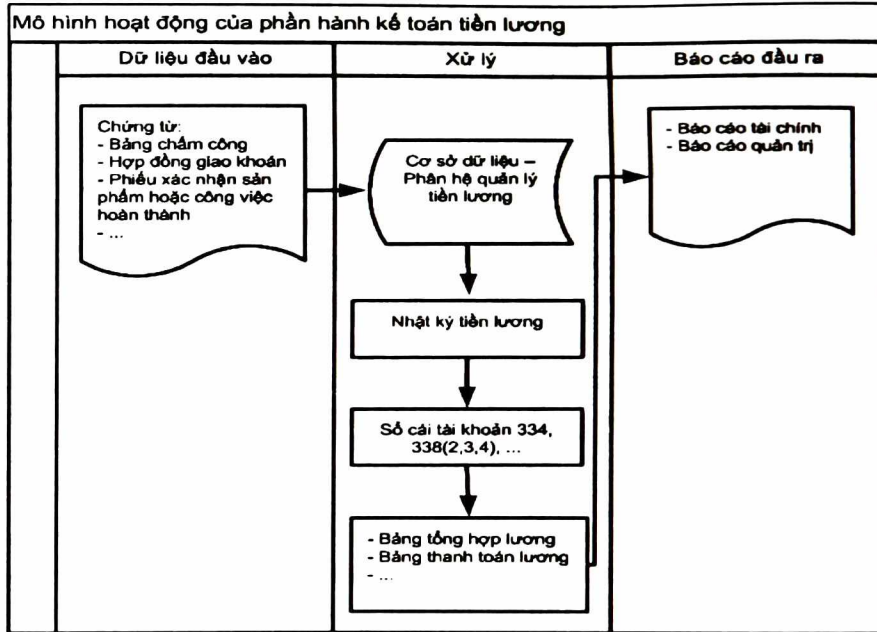
- Căn cứ vào vào Bảng tính lương kế toán lập bảng tính và phân bổ chi phí tiền lương cùng với các khoản trích theo lương vào chi phí của từng phân xưởng, bộ phận sử dụng lao động.

### 2. Mô hình hóa hoạt động tiền lương



### 3. Thực hành trên phần mềm kế toán

#### 3.1. Quy trình xử lý trên phần mềm để ra báo cáo



#### 3.2. Thiết lập các danh mục sử dụng trong quản lý tiền lương

Để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến quản lý tiền lương trong một phần mềm kế toán, người sử dụng cần phải khai báo một số thông tin, danh mục ban đầu như:

##### 3.2.1. Phòng ban

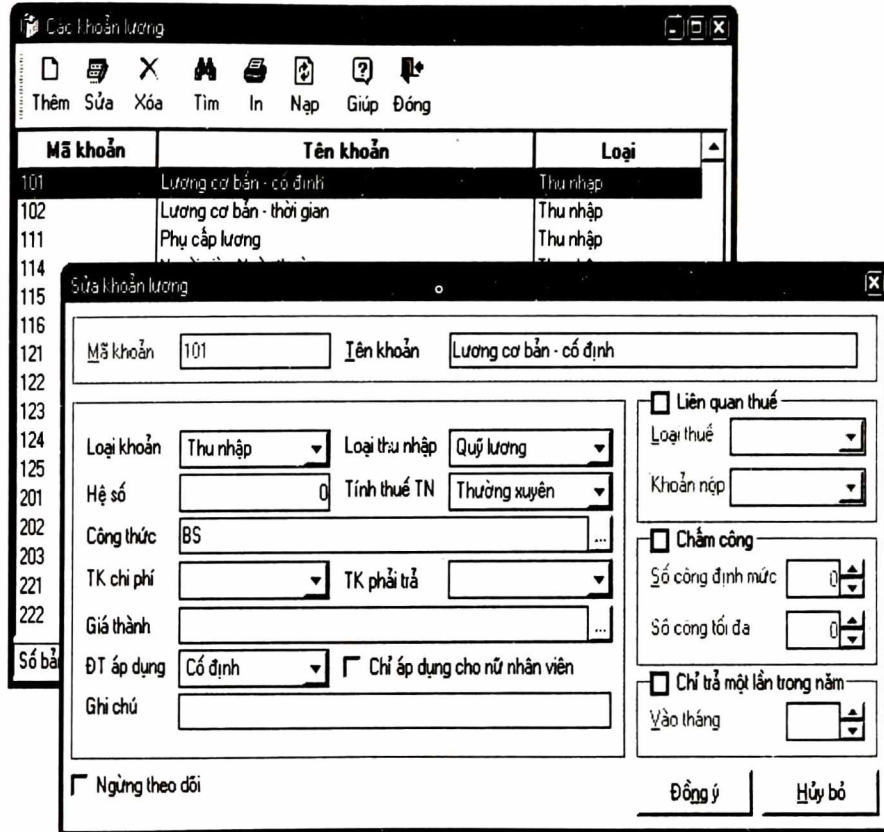
Khai báo danh sách phòng ban sẽ giúp người sử dụng quản lý lương của nhân viên ở các phòng ban khác nhau. Khi thiết lập thêm một phòng ban mới, người sử dụng cần phải nhập đầy đủ các thông tin về: mã phòng ban, tên phòng ban.

##### 3.2.2. Thiết lập các khoản lương

Trong một số phần mềm, các nhà cung cấp đã thiết lập sẵn công thức tính cho một số khoản lương phổ biến thường sử dụng giúp cho người sử dụng thuận tiện trong việc lựa



chọn phương thức tính lương như: lương cơ bản, thưởng, phụ cấp làm đêm, thêm giờ... Và phần mềm cũng đặt hệ thống mở cho các khoản lương này để cho phép người sử dụng có thể thay đổi công thức hoặc cập nhật lại danh mục khoản lương cho phù hợp với hoạt động của doanh nghiệp.



### 3.2.3. Nhân viên

Danh mục nhân viên cho phép người sử dụng theo dõi chi tiết đến từng khoản lương được hưởng, số tiền lương đã nhận, số tiền bảo hiểm phải nộp, của từng nhân viên trong công ty. Khi khai báo một nhân viên, người sử dụng cần nhập các thông tin như: mã nhân viên, tên nhân viên, phòng ban, địa chỉ, số điện thoại, email, thông tin về lương,...

Quản lý nhân viên

Thêm Sửa Xóa Tìm In Nạp Giúp Đóng

Mã nhân viên	Tên nhân viên	Phòng ban
LMDUYEN	Lê Mỹ Duyên	PKD
NTLAN	Nguyễn Thị Lan	PKD
NVBINH	Nguyễn Văn Bình	PKD
NVNAM	Nguyễn Văn Nam	PKD
PMQUA	Phạm Quốc Anh	PKD
PVMINH	Phạm Minh Tuấn	PKD
TDCHI	Trần Đức Chi	PKD
TNPHU	Trần Nguyễn Phú	PKD

Sửa nhân viên

Thông tin về: **Lê Mỹ Duyên**

Thông tin chung | Thông tin về lương | Thông tin khác |

Mã nhân viên: LMDUYEN

Tài khoản:

Mở tại:

Chức danh	Họ	Tên đệm	Tên
Nhân viên	Lê	Mỹ	Duyên

Tên đầy đủ: Lê Mỹ Duyên

Giới tính: Nữ Ngày sinh: 07/12/1978

Địa chỉ:

Quận/huyện:  Tỉnh/thành:

Mã vùng:  Nước: Việt Nam

Số điện thoại:

Số CMND:

Số BHXH:

Số hợp đồng:

Phòng ban: PKD

Chức vụ:

Ngày đi làm:  Số ngày phép:

Ngày nâng lương:  Số ngày ốm:

Ngày thôi việc:  TK tạm ứng: 141

Nhân viên bán hàng

Hưởng thuế người nước ngoài

Quốc tịch:

Ngừng theo dõi

Đồng ý Hủy bỏ

### 3.3. Các chứng từ đầu vào liên quan

Các chứng từ dùng cho việc hạch toán tiền lương bao gồm:

- Bảng chấm công.
- Bảng chấm công làm thêm giờ.
- Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành.
- Hợp đồng giao khoán.
- Bảng thanh toán tiền lương.
- Bảng thanh toán tiền thuê ngoài.
- Bảng kê trích nộp các khoản theo lương.
- Bảng thanh lý (nghiem thu) hợp đồng giao khoán.



Đơn vị: .....  
 Bộ phận: .....

Mẫu số: 01a-LĐTL  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG CHẤM CÔNG**

Tháng ... năm .....

Số TT	Họ và tên	Ngạch bậc lương hoặc cấp bậc chức vụ	Ngày trong tháng					Quy ra công				
			1	2	3	...	31	Số công hưởng lương sản phẩm	Số công hưởng lương thời gian	Số công nghỉ việc, ngừng việc hưởng 100% lương	Số công nghỉ việc, ngừng việc hưởng ...% lương	Số công hưởng BHXH
A	B	C	1	2	3	...	31	32	33	34	35	36
	Tổng											

Người chấm công  
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận  
(Ký, họ tên)

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Người duyệt  
(Ký, họ tên)

**Ký hiệu chấm công**

- |                    |    |                      |    |                     |    |
|--------------------|----|----------------------|----|---------------------|----|
| - Lương sản phẩm:  | SP | - Thưa sản:          | TS | - Nghỉ bù:          | NB |
| - Lương thời gian: | +  | - Tai nạn:           | T  | - Nghỉ không hưởng: | KL |
| - Ốm, điều dưỡng:  | Ô  | - Nghỉ phép:         | P  | - Ngừng việc:       | N  |
| - Con ốm:          | Cô | - Hội nghị, học tập: | H  | - Ngừng việc:       | LD |

Đơn vị: .....  
 Bộ phận: .....

Mẫu số: 01a-LĐTL  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)  
 Số: .....

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG**

Tháng ... năm .....

Số TT	Họ và tên	Bậc lương	Hệ số	Lương sản phẩm		Lương thời gian		Nghỉ việc, ngừng việc hưởng % lương		Phụ cấp thuộc quỹ lương	Phụ cấp khác	Tổng số	Tam ứng kỳ I	Các khoản phải khấu trừ vào lương				Kỳ II được lĩnh		
				Số SP	Số tiền	Số công	Số tiền	Số công	Số tiền					BHXH	Thuế TNCN phải nộp	Công	Số tiền	Ký nhận		
																			...	...
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	C	
	Tổng																			

Tổng số tiền (viết bằng chữ): .....

Người lập biên  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

### 3.4. Nhập chứng từ vào phần mềm kế toán

Để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến tiền lương trong một phần mềm kế toán, người sử dụng thực hiện theo các bước sau:

- Bước 1: Chọn đến phân hệ có liên quan đến nghiệp vụ tiền lương.
- Bước 2: Chọn loại chứng từ cập nhật.
- Bước 3: Nhập chứng từ trên màn hình nhập liệu dành cho chứng từ đó.

Thông thường các phần mềm khác nhau thường xây dựng một quy trình tính lương khác nhau. Trong chương này sẽ hướng dẫn người sử dụng cách tính lương theo thời gian có chấm công.

#### \* Chấm công

Cho phép chấm công theo ngày, tuần hoặc tháng cho từng nhân viên, cán bộ với các khoản lương đã được thiết lập.

Mã	Khoản lương	Công	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
102	Lương cơ bản - thời gian	176	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
121	Nghỉ ốm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
122	Nghỉ trông con ốm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
123	Nghỉ kế hoạch hoá dân số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
124	Khám thai, sảy thai	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
125	Nghỉ đẻ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

### \* Tính lương

Cho phép tính lương cho từng cán bộ hoặc tính lương cho tất cả các cán bộ trong đơn vị.

Chọn nhân viên cần tính lương

Ngày: 01/01/2009

Kỳ trả lương: Tháng 01 Năm 2009

Phòng ban

✓	Mã nhân viên	Tên nhân viên	Phòng ban	TK phải trả
✓	LMDUYEN	Lê Mỹ Duyên	Phòng Kinh doanh	3341
✓	NTLAN	Nguyễn Thị Lan	Phòng Kinh doanh	3341
✓	NVBINH	Nguyễn Văn Bình	Phòng Hành chính	3341
✓	NVNAM	Nguyễn Văn Nam		3341
✓	PMQUANG	Phạm Văn Quang		3341
✓	PVMINH	Phạm Văn Minh		3341
✓	TDCHI	Trần Đức Chi		3341
✓	TNPHUONG	Tạ Nguyễn Phương		3341

MISA-SME Version 7.9

OK

Chọn tất    Bỏ tất    Chọn chưa tính    **Tính lương**    Xem chi tiết    Trợ giúp    Kết thúc

### \* Trả lương

Thực hiện việc trả lương sau khi đã tính lương và kiểm tra bảng lương của doanh nghiệp.

Trả Lương nhân viên

Ngày: 31/01/2009  
Số: PC000001  
 Sinh chứng chứng từ  
 Sinh riêng chứng từ

Người nhận tiền: LMDUYEN | Lê Mỹ Duyên  
Địa chỉ: \_\_\_\_\_  
Điện giải: \_\_\_\_\_

Hình thức thanh toán:  
 Tiền mặt  Séc

Phòng ban: \_\_\_\_\_

Loại tiền	Tỷ giá	TK tiền
VND		11111

<input checked="" type="checkbox"/> Mã nhân viên	Tên nhân viên	Số phải trả	Quy đổi	Số trả	Quy đổi
<input checked="" type="checkbox"/> LMDUYEN	Lê Mỹ Duyên	2 538 000	2 538 000	2 538 000	2 538 000
<input checked="" type="checkbox"/> NTLAN	Nguyễn Thị Lan	1 974 000	1 974 000	1 974 000	1 974 000
<input checked="" type="checkbox"/> NVBINH	Nguyễn Văn Bình	1 504 000	1 504 000	1 504 000	1 504 000
<input checked="" type="checkbox"/> NVNAM	Nguyễn Văn Nam	1 974 000	1 974 000	1 974 000	1 974 000
<input checked="" type="checkbox"/> PMQUANG	Phạm Minh Quang	4 700 000	4 700 000	4 700 000	4 700 000
<input checked="" type="checkbox"/> PVMINH	Phạm Văn Minh	2 256 000	2 256 000	2 256 000	2 256 000
<input checked="" type="checkbox"/> TDCHI	Trần Đức Chi	2 162 000	2 162 000	2 162 000	2 162 000
<input checked="" type="checkbox"/> TNPHUONG	Tạ Nguyệt Phương	4 230 000	4 230 000	4 230 000	4 230 000
		<b>21 338 000</b>	<b>21 338 000</b>	<b>21 338 000</b>	<b>21 338 000</b>

Chọn tất | Bỏ tất | Đồng ý | Trợ giúp | Kết thúc

### 3.5. Xem và in báo cáo tiền lương

Sau khi cập nhật các chứng từ liên quan đến tiền lương, phần mềm sẽ tự động xử lý và đưa ra các báo cáo tiền lương. Khi xem các báo cáo, người sử dụng phải chọn các tham số cần thiết.

\* Bảng tổng hợp lương cán bộ

- Chọn tham số báo cáo như: thời gian in.

Chọn tham số báo cáo

Đến ngày: 31/01/2009

- Xem báo cáo:

Công ty Cổ phần MISA

218 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

### BÁO CÁO TỔNG HỢP LƯƠNG CÁN BỘ

Tháng 1 Năm 2009

PHÒNG BAN : PHÒNG GIÁM ĐỐC

Mã nhân viên	Tên nhân viên	Lương CB	Thu nhập trước thuế	Thu nhập sau thuế
PMQUANG	Phạm Minh Quang	4.000.000	6.000.000	4.700.000
<b>Cộng</b>		<b>4.500.000</b>	<b>5.000.000</b>	<b>4.700.000</b>

PHÒNG BAN : PHÒNG HÀNH CHÍNH

Mã nhân viên	Tên nhân viên	Lương CB	Thu nhập trước thuế	Thu nhập sau thuế
NVBINH	Nguyễn Văn Bình		1.800.000	1.504.000
NVNAM	Nguyễn Văn Nam		2.100.000	1.674.000
<b>Cộng</b>			<b>3.700.000</b>	<b>3.478.000</b>

PHÒNG BAN : PHÒNG KINH DOANH

Mã nhân viên	Tên nhân viên	Lương CB	Thu nhập trước thuế	Thu nhập sau thuế
LMDUYEN	Lâm Mỹ Duyên		2.700.000	2.538.000
NLAN	Nguyễn Thị Lan		2.100.000	1.674.000
TDCHI	Trần Đức Chi		2.300.000	2.102.000
<b>Cộng</b>			<b>7.100.000</b>	<b>6.674.000</b>

PHÒNG BAN : PHÒNG KẾ TOÁN

Mã nhân viên	Tên nhân viên	Lương CB	Thu nhập trước thuế	Thu nhập sau thuế
PVMINH	Phạm Văn Minh		2.400.000	2.298.000
<b>Cộng</b>			<b>2.400.000</b>	<b>2.256.000</b>

PHÒNG BAN : PHÒNG PHO GIÁM ĐỐC

Mã nhân viên	Tên nhân viên	Lương CB	Thu nhập trước thuế	Thu nhập sau thuế
TNPHUONG	Tạ Nguyệt Phương	4.000.000	4.500.000	4.230.000
<b>Cộng</b>		<b>4.000.000</b>	<b>4.500.000</b>	<b>4.230.000</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>8.500.000</b>	<b>22.700.000</b>	<b>21.338.000</b>

Người lập  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

\* Bảng thanh toán lương và phụ cấp:  
- Chọn tham số báo cáo như: thời gian in.

Chọn tham số báo cáo

Đến ngày



- Xem báo cáo:

Công ty Cổ phần MISA

218 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

## BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP

Tháng 1 Năm 2009

STT	Họ và tên	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp	Công hệ số	Số công	Lương bình quân / 1 Công	Tổng tiền lương & Phụ cấp	Kiểm trừ BHXH 6%	Lương thực lĩnh	Ký nhận
1	2	3	4	5=3*4	6	7	8	9	10=8-9	11
1	Lâm Mỹ Duyên				176	14205	2.700.000	162.000	2.538.000	
2	Nguyễn Thị Lan				176	10795	2.100.000	126.000	1.974.000	
3	Nguyễn Văn Bình				176	8523	1.600.000	96.000	1.504.000	
4	Nguyễn Văn Nam				176	11364	2.100.000	126.000	1.974.000	
5	Phạm Minh Quang						5.000.000	300.000	4.700.000	
6	Phạm Văn Minh				176	13068	2.400.000	144.000	2.256.000	
7	Tiến Đức Ch				176	11932	2.300.000	138.000	2.162.000	
8	Ta Nguyễn Phương						4.500.000	270.000	4.230.000	
	Cộng						22.700.000	1.362.000	21.338.000	

Người lập  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

\* Sở nhật ký tiền lương

- Chọn tham số báo cáo như: khoảng thời gian in.

Chọn tham số báo cáo

Chọn kỳ báo cáo  
Tự chọn

Từ ngày 01/01/2009 Đến ngày 31/01/2009

Thực hiện

Hủy bỏ

- Xem báo cáo:

Công ty TNHH ABC

100 Hùng Vương, Q.Tây Hồ, Hà Nội

## NHẬT KÝ TIỀN LƯƠNG

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/01/2009

Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản nợ	Tài khoản có	Số tiền
31/01/2009	PL000001	Lương cơ bản - thời gian	6421	334	2.500.000
31/01/2009	PL000001	Phụ cấp lương	6421	334	200.000
31/01/2009	PL000001	Bảo hiểm xã hội CNV phải đóng	334	3383	136.000
31/01/2009	PL000001	Bảo hiểm Y tế CNV phải đóng	334	3384	27.000
31/01/2009	PL000001	Thuế thu nhập thường xuyên	334	3335	
31/01/2009	PL000001	Bảo hiểm xã hội Công ty đóng	6421	3383	406.000
31/01/2009	PL000001	Bảo hiểm Y tế Công ty đóng	6421	3384	54.000
31/01/2009	PL000001	Công đoàn phí Công ty đóng	6421	3382	50.000
31/01/2009	PL000002	Lương cơ bản - thời gian	6421	334	1.600.000
31/01/2009	PL000002	Phụ cấp lương	6421	334	200.000
31/01/2009	PL000002	Bảo hiểm xã hội CNV phải đóng	334	3383	106.000
31/01/2009	PL000002	Bảo hiểm Y tế CNV phải đóng	334	3384	21.000
31/01/2009	PL000002	Thuế thu nhập thường xuyên	334	3335	
31/01/2009	PL000002	Bảo hiểm xã hội Công ty đóng	6421	3383	315.000
31/01/2009	PL000002	Bảo hiểm Y tế Công ty đóng	6421	3384	42.000
31/01/2009	PL000002	Công đoàn phí Công ty đóng	6421	3382	38.000
31/01/2009	PL000003	Lương cơ bản - thời gian	6421	334	1.500.000
31/01/2009	PL000003	Phụ cấp lương	6421	334	100.000
31/01/2009	PL000003	Bảo hiểm xã hội CNV phải đóng	334	3383	80.000
31/01/2009	PL000003	Bảo hiểm Y tế CNV phải đóng	334	3384	16.000
31/01/2009	PL000003	Thuế thu nhập thường xuyên	334	3335	
31/01/2009	PL000003	Bảo hiểm xã hội Công ty đóng	6421	3383	240.000
31/01/2009	PL000003	Bảo hiểm Y tế Công ty đóng	6421	3384	32.000
31/01/2009	PL000003	Công đoàn phí Công ty đóng	6421	3382	30.000
31/01/2009	PL000004	Lương cơ bản - thời gian	6421	334	2.000.000
31/01/2009	PL000004	Phụ cấp lương	6421	334	100.000
31/01/2009	PL000004	Bảo hiểm xã hội CNV phải đóng	334	3383	106.000
31/01/2009	PL000004	Bảo hiểm Y tế CNV phải đóng	334	3384	21.000
31/01/2009	PL000004	Thuế thu nhập thường xuyên	334	3335	

#### 4. Bài tập thực hành

Tại Công ty TNHH ABC có danh sách các cán bộ như sau:

STT	Mã nhân viên	Họ và tên	Phòng ban	Lương cơ bản	Phụ cấp	Khoản lương
1	PMQUANG	Phạm Minh Quang	Giám đốc	4.500.000	500.000	Lương cơ bản cố định
2	TNPHUONG	Tạ Nguyệt Phương	P.Giám đốc	4.000.000	500.000	Lương cơ bản cố định
3	NVNAM	Nguyễn Văn Nam	Hành chính	2.000.000	100.000	Lương cơ bản thời gian (ngày)
4	NVBINH	Nguyễn Văn Bình	Hành chính	1.500.000	100.000	Lương cơ bản thời gian (ngày)
5	TDCHI	Trần Đức Chi	Kinh doanh	2.100.000	200.000	Lương cơ bản thời gian (ngày)
6	LMDUYEN	Lê Mỹ Duyên	Kinh doanh	2.500.000	200.000	Lương cơ bản thời gian (ngày)
7	NTLAN	Nguyễn Thị Lan	Kinh doanh	1.900.000	200.000	Lương cơ bản thời gian (ngày)
8	PVMINH	Phạm Văn Minh	Kế toán	2.300.000	100.000	Lương cơ bản thời gian (ngày)

Yêu cầu:

- Ngày 31/01/2009 tính lương, các khoản trích theo lương tháng 01 cho công nhân viên trong công ty và trả lương qua Ngân hàng BIDV.

- Ngày 28/02/2009 tính lương, các khoản trích theo lương tháng 02 cho công nhân viên trong công ty và trả lương qua Ngân hàng BIDV.

- Ngày 31/03/2009 tính lương, các khoản trích theo lương tháng 03 cho công nhân viên trong công ty và trả lương qua Ngân hàng BIDV.

- In Báo cáo tổng hợp lương cán bộ; Bảng thanh toán tiền lương...

## **Chương VII**

# **KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ**

**Sau khi hoàn thành Chương này, bạn có thể nắm được:**

- Nguyên tắc hạch toán.
- Mô hình hoạt động mua hàng.
- Sơ đồ hạch toán kế toán mua hàng.
- Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán.

### **1. Nguyên tắc hạch toán**

- Giá gốc của hàng hóa mua vào được tính theo nguồn nhập và phải theo dõi, phản ánh riêng biệt trị giá mua và chi phí thu mua hàng hóa.

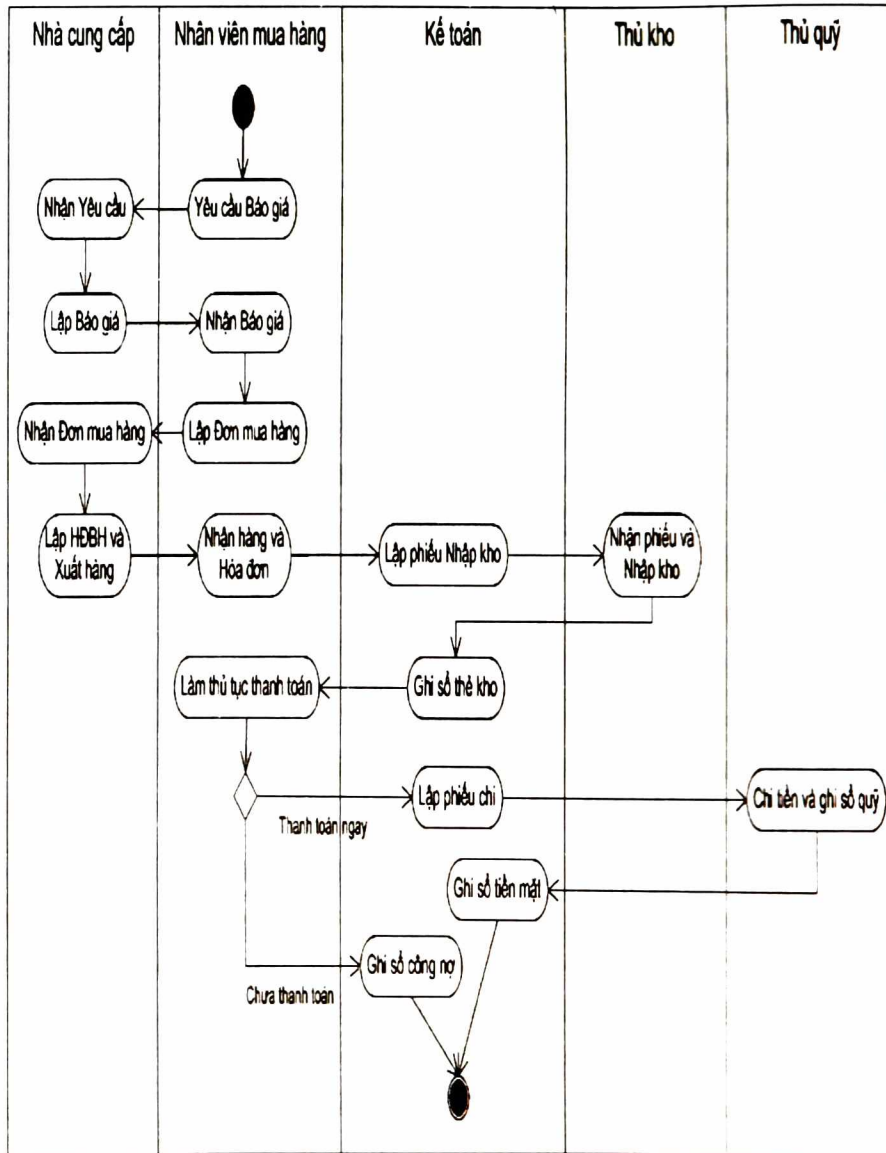
- Việc tính giá trị của hàng hóa xuất kho được thực hiện theo một trong bốn phương pháp:

- + Phương pháp giá đích danh.
- + Phương pháp bình quân cuối kỳ.
- + Phương pháp nhập trước, xuất trước.
- + Phương pháp nhập sau, xuất trước.

- Chi phí thu mua hàng hóa trong kỳ được tính cho hàng hóa tiêu thụ trong kỳ và hàng hóa tồn kho cuối kỳ. Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí thu mua hàng hóa tùy thuộc tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp nhưng phải thực hiện theo nguyên tắc nhất quán.

- Kế toán chi tiết hàng hóa phải được thực hiện theo từng kho, từng loại, từng nhóm hàng hóa.

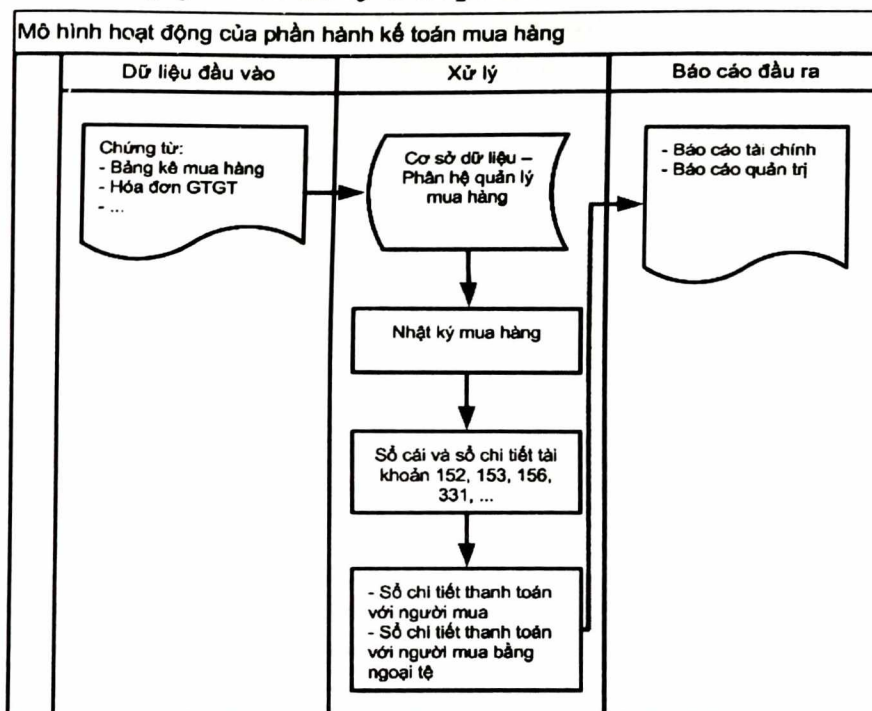
## 2. Mô hình hóa hoạt động mua hàng và công nợ phải trả





### 3. Thực hành trên phần mềm kế toán

#### 3.1. Quy trình xử lý trên phần mềm để ra báo cáo



#### 3.2. Thiết lập các danh mục sử dụng trong mua hàng

Để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến mua hàng trong một phần mềm kế toán, người sử dụng cần phải khai báo một số danh mục ban đầu như:

- Danh mục nhà cung cấp (tham khảo mục Thiết lập danh mục sử dụng trong phần Kế toán tiền mặt tại quỹ của chương 3).

- Danh mục vật tư, hàng hóa (tham khảo mục Thiết lập danh mục sử dụng trong phần Kế toán vật tư của chương 4).

#### 3.3. Các chứng từ đầu vào liên quan

Các chứng từ dùng cho việc hạch toán mua hàng bao gồm:

- Hóa đơn giá trị gia tăng do nhà cung cấp lập





### **3.4. Nhập chứng từ vào phần mềm kế toán**

Để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến mua hàng trong một phần mềm kế toán, người sử dụng thực hiện theo các bước sau:

- Bước 1: Chọn đến phân hệ có liên quan đến nghiệp vụ mua hàng.
- Bước 2: Chọn loại chứng từ cập nhật.
- Bước 3: Nhập chứng từ trên màn hình nhập liệu dành cho chứng từ đó.

Trong phần mềm kế toán, tại màn hình nhập liệu chứng từ của phần hành quản lý mua hàng cũng bao gồm các thông tin:

**Phần thông tin chung gồm có:**

- Tên và thông tin về đối tượng: Là các thông tin về nhà cung cấp có phát sinh các giao dịch liên quan đến hoạt động mua hàng, trả lại hàng hoặc thanh toán công nợ.
- Địa chỉ: Là địa chỉ của nhà cung cấp.
- Mã số thuế: Là mã số thuế đã đăng ký của nhà cung cấp với Tổng cục Thuế và được nhập vào các hóa đơn giá trị gia tăng.
- Ngày chứng từ: Là ngày nhập nghiệp vụ mua hàng (ngày chứng từ có thể trùng hoặc muộn hơn ngày hóa đơn).
- Số chứng từ: Trong các phần mềm thường được tự động đánh số tăng dần, tuy nhiên người sử dụng vẫn có thể sửa lại số chứng từ của các chứng từ đã hạch toán nếu muốn.

**Phần thông tin chi tiết: Bao gồm các thông tin về mã hàng, kho, tài khoản**

kho, diễn giải, số lượng, đơn giá, thành tiền, tài khoản phải trả, thông tin khai báo về thuế (tài khoản thuế, thuế suất, tiền thuế, số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn),...



- Mã hàng: Dùng để nhận diện một vật tư, hàng hóa, thường được chọn từ danh mục vật tư, hàng hóa đã được khai báo.

- Diễn giải: Mô tả lại nội dung của nghiệp vụ phát sinh.

- Kho: Là mã của kho liên quan đến nghiệp vụ của chứng từ được chọn từ danh mục kho đã khai báo.

- Tài khoản kho: Chương trình sẽ lấy căn cứ vào các thông tin khai báo ban đầu của vật tư, hàng hóa.

- Tài khoản phải trả: Là tài khoản đối ứng khi hạch toán nghiệp vụ mua hàng (có thể là tài khoản 111, 112, 331 ).

- Số lượng: Là số lượng mặt hàng được ghi trên Hóa đơn giá trị gia tăng.

- Đơn giá: Là số tiền cho một vật tư, hàng hóa.

- Thành tiền = Số lượng x Đơn giá

- Tài khoản thuế: Là tài khoản hạch toán thuế (TK 1331).

- Thuế suất: Là thuế suất thuế giá trị gia tăng của mặt hàng.

- ...

Trong mỗi phần mềm có một quy trình mua hàng khác nhau. Trong chương này sẽ giới thiệu với người sử dụng một số trường hợp nhập các chứng từ liên quan đến hoạt động mua hàng trên một phần mềm kế toán từ khi lập đơn mua hàng đến khi phát sinh thanh toán mua hàng.

#### \* Lập đơn mua hàng

Khi phát sinh hoạt động mua hàng, một số doanh nghiệp sẽ tiến hành lập đơn mua hàng, sau đó mới tiến hành lập Hóa đơn mua hàng căn cứ vào đơn hàng đó. Thao tác này không nhất thiết phải thực hiện, ở một số doanh nghiệp sẽ thực hiện lập hóa đơn mua hàng luôn mà không cần lập đơn mua hàng.



Đơn mua hàng

Ngừng theo dõi

Tên: CT\_HONGHA Công ty TNHH Hồng Hà Ngày: 03/01/2009  
 Địa chỉ: Số 9241, Nguyễn Văn Cừ, Hà Nội Số: MĐH000001  
 MST: 0100231467-1

				VND	1	331
TV_LGPHA	Tivi LG 21 inches	10	2 700 000			27 000 000
TV_LGP	Tivi LG 29 inches	8	8 990 000			71 920 000

Hàng tiền Thuế Giá thành

Tiền hàng 98 920 000 98 920 000  
 Thuế 9 892 000 9 892 000  
 Tổng cộng 108 812 000 108 812 000

Diễn giải

\* Lập hóa đơn mua hàng

Hóa đơn mua hàng

Tên: CT\_HONGHA Công ty TNHH Hồng Hà Ngày: 03/01/2009  
 Địa chỉ: Số 9241, Nguyễn Văn Cừ, Hà Nội Số: MĐH000001  
 MST: 0100231467-1

0012745	03/01/2009	NK/2007		03/01/2008	VND	1	
TV_LGPHANG	Tivi LG 21 inches	156	1561	331	10	2 700 000	27 000 000
TV_LGPHANG29	Tivi LG 29 inches	156	1561	331	8	8 990 000	71 920 000

Hàng tiền Thuế Đối tượng/Giá thành Hàng nhập khẩu

Tiền hàng 98 920 000 98 920 000  
 Chiết khấu 0 0  
 Thuế GTGT 9 892 000 9 892 000  
 Tổng cộng 108 812 000 108 812 000  
 Thuế nhập khẩu 0 0  
 Phí vận chuyển 0 0  
 Giá trị nhập kho 98 920 000 98 920 000

Diễn giải

Xem đơn hàng Phi vận chuyển Công nợ HT hàng nhập khẩu

**\* Lập chứng từ hàng mua trả lại, giảm giá**

Trong quá trình mua hàng, sản phẩm hàng hóa mà kém phẩm chất hay không đúng quy cách, chủng loại trong hợp đồng kinh tế hoặc vi phạm cam kết thì sẽ thực hiện trả lại người cung cấp hoặc được người cung cấp giảm giá. Khi đó người sử dụng phải hạch toán các bút toán giảm giá hoặc trả lại hàng. Màn hình dưới đây thể hiện trường hợp phát sinh hàng mua trả lại.

Hàng mua trả lại

Hàng mua trả lại   
 Giảm giá   
 Chọn hóa đơn ...

Nhà cung cấp				Chứng từ		
Tên	CT_HONGHA	Công ty TNHH Hồng Hà		Ngày	04/01/2009	
Địa chỉ	Số 9241, Nguyễn Văn Cừ, Hà Nội			Số	MHT000001	
MST	0100231467-1			K. hiệu HĐ	NK/2007	

Vận chuyển	Điều khoản TT	Hạn thanh toán	Loại tiền	Tỉ giá	TK phải trả	Mã chi nhánh
		03/01/2008	VND		1 331	

Mã hàng	Diễn giải	Mã kho	Số lượng	TK	Đơn giá	Thành tiền
TV_LG	Tivi LG 21 inches	156	2	1561	2 700 000	5 400 000

Hàng-Tiền   
 Thuế   
 Giá thành

	Tiền hàng	
Tiền hàng	5 400 000	5 400 000
Thuế	540 000	540 000
<b>Tổng cộng</b>	<b>5 940 000</b>	<b>5 940 000</b>

Diễn giải:

**\* Lập chứng từ thanh toán công nợ phải trả**

Khi mua hàng, nếu chưa thanh toán ngay thì giá trị của lô hàng sẽ được ghi trên tài khoản công nợ. Đến khi phát sinh nghiệp vụ trả tiền cho nhà cung cấp, người sử dụng sẽ hạch toán bút toán thanh toán công nợ.

Trả tiền nhà cung cấp

Trở về | Sau | Thêm | Sửa | Cắt | Xóa | Ghi số | Hoàn | In | Duyệt | Nạp | Giúp | Đóng

### Trả tiền nhà cung cấp

Trả gho:  Công ty TNHH Hồng Hà Ngày: 15/02/2009

Địa chỉ: Số 9241, Nguyễn Văn Cừ, Hà Nội Số: PC000011

Điện giải Số tiền: 108.812.000

Số tiền (bằng chữ): Một trăm linh tám triệu tám trăm mười hai nghìn đồng

Phương thức thanh toán:  VND Tỷ giá: 1 TK phải trả: 331 TK thanh toán: 1111 Hợp đồng: Mã chi nhánh: Số CT gốc:

Số CT trả	Loại chứng từ	Hạn TT	Tổng nợ	Số còn nợ	Số trả HT	Số dư
VEN_000096	Chứng từ chung	31/12/2007	100.200.000	100.200.000	0	0
MHT000001	HĐ mua hàng	03/01/2009	108.812.000	108.812.000	108.812.000	108.812.000
Tổng cộng			209.012.000	209.012.000	108.812.000	108.812.000

Tiền nợ  Chiết khấu

### \* Đối trừ chứng từ công nợ

Trong một số phần mềm kế toán có tính năng đối trừ công nợ cho các chứng từ mua hàng và chứng từ thanh toán. Tính năng này rất hữu ích cho người sử dụng trong việc theo dõi công nợ đối với nhà cung cấp theo từng hóa đơn. Người sử dụng sẽ biết hóa đơn mua hàng nào chưa được thanh toán hoặc đã được thanh toán và thanh toán được bao nhiêu.

Đối trừ chứng từ - Nhà cung cấp

Đối tượng: Nhà cung cấp:  Công ty TNHH Hồng Hà Phương pháp đối trừ:  Tự động  Thủ công

TK Phải trả:

#### Chứng từ còn nợ

Ngày	Loại	Số	Tỷ giá	Chưa thanh toán	Số dư nợ	
31/12/2007	Chứng từ chung	VEN_000096	100.200.000	100.200.000	0	
03/01/2009	HĐ mua hàng	MHT000001	108.812.000	108.812.000	5.940.000	
Số dư					209.012.000	5.940.000

Hoàn thành!

#### Chứng từ đã trả

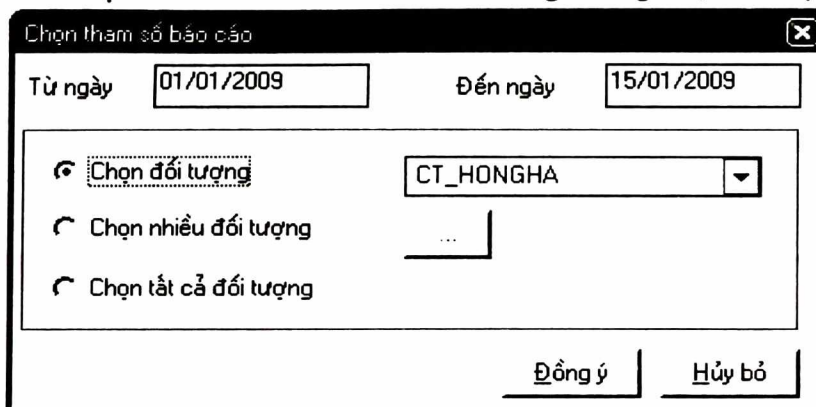
Ngày	Loại	Số	Tỷ giá	Nợ	Số dư trả	
04/01/2009	M trả lại/G gó	MHT000001	5.940.000	5.940.000	5.940.000	
Số dư					(203.072.000)	
					5.940.000	5.940.000

### 3.5. Xem và in báo cáo liên quan đến mua hàng

Sau khi cập nhật các chứng từ liên quan đến mua hàng, phần mềm sẽ tự động xử lý và đưa ra các báo cáo mua hàng. Khi xem các báo cáo, người sử dụng phải chọn các tham số cần thiết.

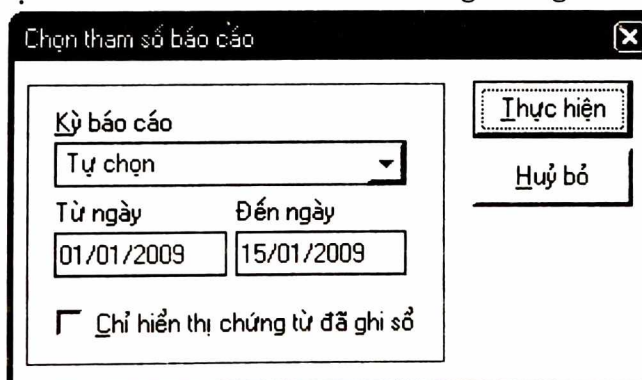
\* Bảng kê mua hàng

- Chọn tham số báo cáo: như khoảng thời gian, đối tượng.



\* Nhật ký mua hàng

- Chọn tham số báo cáo như: khoảng thời gian.



\* Tổng hợp công nợ phải trả

- Chọn tham số báo cáo như: khoảng thời gian, đối tượng nhà cung cấp (một hoặc nhiều nhà cung cấp), tài khoản công nợ.



Chọn tham số báo cáo

Từ ngày  Đến ngày

Nhà cung cấp

Nhóm nhà cung cấp

Chọn nhiều nhà cung cấp

Tất cả

Tài khoản

Tất cả các tài khoản

#### 4. Bài tập thực hành

Tại Công ty TNHH ABC có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến hoạt động mua hàng như sau:

1. Ngày 03/01/2009, mua hàng của Công ty TNHH Hồng Hà (VAT: 10%; chưa thanh toán tiền)

- Tivi LG 21 inches số lượng: 10 chiếc, đơn giá: 2.700.000 (đ/chiếc)

- Tivi LG 29 inches số lượng: 08 chiếc, đơn giá: 8.990.000 (đ/chiếc)

Theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0012745, ký hiệu NK/2009, ngày hóa đơn 02/01/2009.

2. Ngày 04/01/2009, trả lại hàng cho Công ty TNHH Hồng Hà:

- Tivi LG 21 inches số lượng: 02 chiếc

3. Ngày 08/01/2009, mua hàng của Công ty cổ phần Việt Hà, tỷ lệ chiết khấu với mỗi mặt hàng: 2%; VAT: 10%, chưa thanh toán tiền.



- Điện thoại NOKIA N6 số lượng: 20 ĐG: 4.100.000 (đ/chiếc)

- Điện thoại SAMSUNG E8 số lượng: 15 ĐG: 3.910.000 (đ/chiếc)

Theo hóa đơn GTGT số 0052346, ký hiệu AC/2009 ngày 03/01/2009.

4. Ngày 15/01/2009, mua hàng của Công ty TNHH Lan Tân, VAT: 10%; chưa thanh toán tiền.

- Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 12000BTU số lượng: 08 đơn giá: 9.900.000 (đ/chiếc)

- Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 24000BTU số lượng: 04 đơn giá: 14.000.000 (đ/chiếc)

Theo hóa đơn GTGT số 0025857, ký hiệu AF/2009, ngày 13/01/2009.

Tổng phí vận chuyển: 990.000đ (đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng) phân bổ phí vận chuyển theo số lượng .

5. Ngày 24/01/2009, nhập khẩu 02 máy vi tính của Công ty FUJI, đơn giá: 10.000.000 (đ/chiếc), chưa thanh toán tiền hàng. Thuế nhập khẩu: 30%; Thuế giá trị gia tăng: 10%; Tờ khai hải quan số 2567, chưa thanh toán tiền

6. Ngày 05/02/2009, chi mua hàng của Công ty cổ phần Phú Thái, tiền hàng chưa thanh toán gồm:

- Tivi LG 19 inches số lượng: 10 chiếc, đơn giá: 2.400.000 (đ/chiếc)

- Tivi LG 21 inches số lượng: 02 chiếc, đơn giá: 2.800.000 (đ/chiếc)

VAT 10% theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0085126, ký hiệu NT/2009, ngày 05/02/2009.

7. Ngày 16/02/2009, chuyển tiền gửi ngân hàng BIDV mua hàng của Công ty TNHH Hà Liên.

- Điện thoại NIKIA N7 số lượng: 05 chiếc, đơn giá: 4.200.000 (đ/chiếc)

- Điện thoại NOKIA D9 số lượng: 06 chiếc, đơn giá: 4.000.000 (đ/chiếc)

VAT 10% theo hóa đơn giá trị gia tăng 0052185, ký hiệu DK/2009, ngày 16/02/2009.

8. Ngày 06/03/2009, mua hàng của Công ty cổ phần Hà Thành chưa trả tiền, gồm:

- Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 24000BTU số lượng: 08 chiếc, đơn giá: 13.500.000(đ/chiếc) VAT 10%, theo hóa đơn GTGT số 0053162, ký hiệu NT/2009, ngày 06/03/2009.

Yêu cầu:

- Khai báo danh mục nhà cung cấp, vật tư hàng hóa (thông tin danh sách lấy phần Bài tập thực hành Chương 2).

- Hạch toán các nghiệp vụ phát sinh vào phần mềm.

- In Bảng kê mua hàng; Nhật ký mua hàng; Tổng hợp công nợ nhân viên...

## **Chương VIII**

# **KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI THU**

**Sau khi hoàn thành Chương này, bạn có thể nắm được:**

- Nguyên tắc hạch toán.
- Mô hình hoạt động bán hàng.
- Sơ đồ hạch toán kế toán bán hàng.
- Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán.

### **1. Nguyên tắc hạch toán**

- Việc ghi nhận doanh thu và chi phí bán hàng phải tuân theo nguyên tắc phù hợp. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

- Chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng hóa khi thỏa mãn đồng thời năm điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã trao một phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

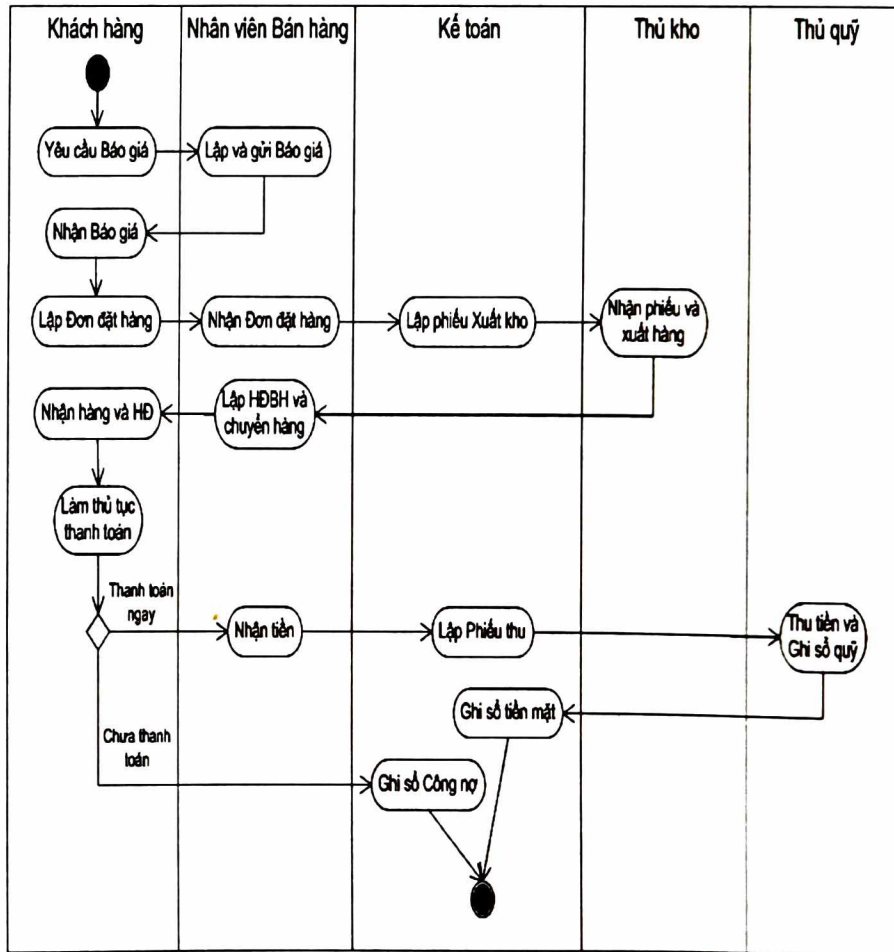
- Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ việc bán hàng.

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Trường hợp hàng hóa hoặc dịch vụ trao đổi lấy hàng hóa hoặc dịch vụ tương tự về bản chất thì không được ghi nhận doanh thu.

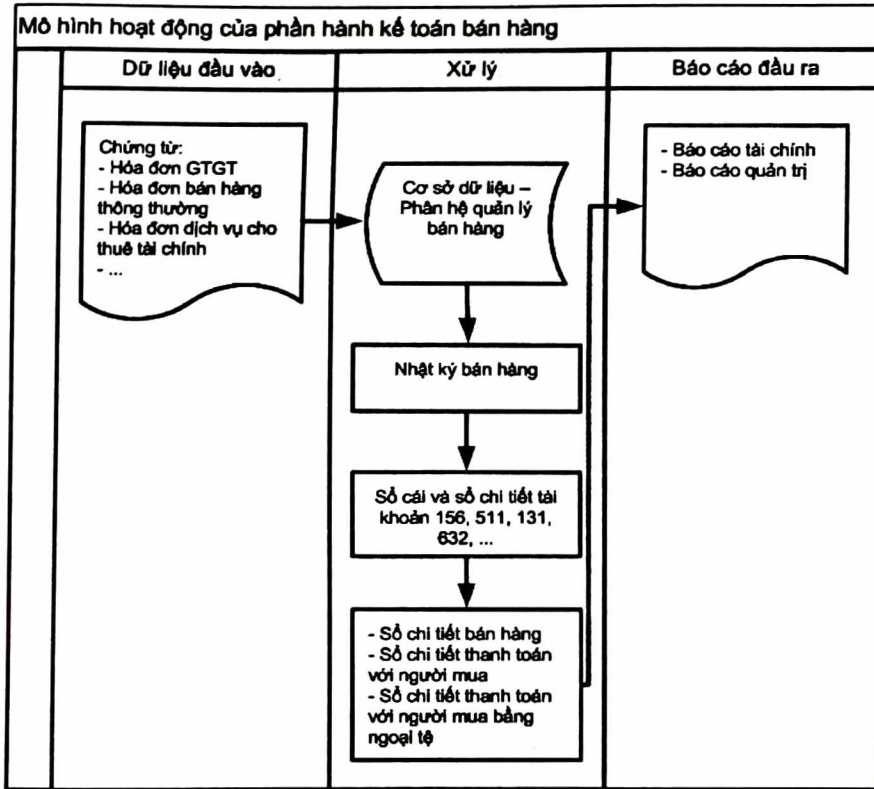
- Phải theo dõi chi tiết từng loại doanh thu, doanh thu từng mặt hàng, ngành hàng, từng sản phẩm,... theo dõi chi tiết từng khoản giảm trừ doanh thu để xác định doanh thu thuần của từng loại doanh thu, chi tiết từng mặt hàng, từng sản phẩm,... phục vụ cho cung cấp thông tin kế toán để quản trị doanh nghiệp và lập báo cáo tài chính.

## 2. Mô hình hóa hoạt động bán hàng và công nợ phải thu



### 3. Thực hành trên phần mềm kế toán

#### 3.1. Quy trình xử lý trên phần mềm để ra báo cáo



#### 3.2. Thiết lập các danh mục sử dụng trong bán hàng

Để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động bán hàng trong phần mềm kế toán, người sử dụng cần phải khai báo một số thông tin, danh mục ban đầu như:

- Danh mục khách hàng (tham khảo mục Thiết lập danh mục sử dụng trong phần Kế toán tiền mặt tại quỹ của chương 3).

- Danh mục vật tư, hàng hóa (tham khảo mục Thiết lập danh mục sử dụng trong phần Kế toán vật tư của chương 4).



### 3.3. Các chứng từ đầu vào liên quan

Các chứng từ dùng cho việc hạch toán bán hàng bao gồm:

- Đơn đặt hàng, phiếu giao hàng.
- Hóa đơn bán hàng.
- Phiếu nhập hàng bán trả lại.
- Chứng từ phải thu công nợ.

Một số mẫu chứng từ điển hình:

Đơn vị: .....

Bộ phận: .....

#### PHIẾU GIAO HÀNG

(Kiểm phiếu bảo hành)

Tên khách hàng: ..... Ngày: .....  
Địa chỉ: ..... Số: .....  
Mã số thuế: ..... Loại tiền: .....

Mã hàng	Diễn giải	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thời hạn bảo hành
Công tiền hàng						
			10%	Tiền thuế GTGT		
Chiết khấu:			Tổng cộng tiền thanh toán:			

Số tiền viết bằng chữ: .....

#### ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH

Điều kiện bảo hành 1: .....

Điều kiện bảo hành 2: .....

Điều kiện bảo hành 3: .....

Điều kiện bảo hành 4: .....

NV Kinhdoanh  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Thủ kho  
(Ký, họ tên)

Người mua hàng  
(Ký, họ tên)

### **3.4. Nhập chứng từ vào phần mềm kế toán**

Để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến bán hàng trong một phần mềm kế toán, người sử dụng thực hiện theo các bước sau:

- Bước 1: Chọn đến phân hệ có liên quan đến nghiệp vụ bán hàng.
- Bước 2: Chọn loại chứng từ cập nhật.
- Bước 3: Nhập chứng từ trên màn hình nhập liệu dành cho chứng từ đó.

Trong phần mềm kế toán, tại màn hình nhập liệu chứng từ của phần hành quản lý bán hàng cũng bao gồm các thông tin:

#### **Phần thông tin chung gồm có:**

- Tên và thông tin về đối tượng: Là các thông tin về khách hàng có phát sinh các giao dịch liên quan đến hoạt động bán hàng, trả lại, giảm giá, chiết khấu thương mại hoặc thanh toán công nợ.

- Địa chỉ: Là địa chỉ của khách hàng.

- Mã số thuế: Là mã số thuế đã đăng ký của khách hàng với Tổng cục Thuế và được nhập vào các hóa đơn giá trị gia tăng.

- Ngày chứng từ: Là ngày nhập nghiệp vụ bán hàng.

- Số chứng từ: Trong các phần mềm thường được tự động đánh số tăng dần, tuy nhiên người sử dụng vẫn có thể sửa lại số chứng từ của các chứng từ đã hạch toán nếu muốn.

**Phần thông tin chi tiết: Bao gồm các thông tin về mã hàng, kho, tài khoản kho, diễn giải, số lượng, đơn giá, thành tiền, tài khoản phải thu, thông tin khai báo về thuế (tài khoản thuế, thuế suất, tiền thuế, số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn),...**

- Mã hàng: Dùng để nhận diện một vật tư, hàng hóa, thường được chọn từ danh mục vật tư, hàng hóa đã được khai báo.

- Diễn giải: Mô tả lại nội dung của nghiệp vụ bán hàng phát sinh.

- Kho: Là mã của kho liên quan đến nghiệp vụ của chứng từ được chọn từ danh mục kho đã khai báo.

- Tài khoản kho: Chương trình sẽ lấy căn cứ vào các thông tin khai báo ban đầu của vật tư, hàng hóa.

- Tài khoản phải thu: Là tài khoản đối ứng khi hạch toán nghiệp vụ bán hàng (có thể là các tài khoản 111, 112, 131...).

- Tài khoản doanh thu: Là tài khoản hạch toán ghi nhận doanh thu bán hàng (tài khoản 511...).

- Số lượng: Là số lượng hàng bán được ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng.

- Đơn giá: Là đơn giá bán cho một vật tư, hàng hóa.

- Thành tiền = Số lượng x Đơn giá

- Tài khoản thuế: Là tài khoản hạch toán thuế (tài khoản 1331).

- Thuế suất: Là thuế suất thuế giá trị gia tăng của mặt hàng.

Trong mỗi phần mềm có một quy trình bán hàng khác nhau. Trong chương này sẽ giới thiệu với người sử dụng một số trường hợp nhập các chứng từ liên quan đến hoạt động bán hàng trên một phần mềm kế toán từ khi lập đơn đặt hàng đến khi phát sinh thanh toán bán hàng.

#### \* Lập đơn đặt hàng

Khi phát sinh hoạt động bán hàng, một số doanh nghiệp có thể lập trực tiếp hóa đơn bán hàng, nhưng một số doanh nghiệp có thể căn cứ vào đơn đặt hàng từ phía người mua. Với những doanh nghiệp này họ sẽ tiến hành lập đơn đặt hàng trước sau đó sẽ lập hóa đơn bán hàng. Các thông tin trên hóa đơn bán hàng sẽ được lấy từ đơn đặt hàng.

**Đơn đặt hàng**

Khách hàng: CT\_HOANAM (Công ty Cổ phần Hoa Nam)  
 Ngày: 15/01/2009  
 Địa chỉ: Số 831 Hà An  
 Số: BHD000001  
 MST: 0100782209

Đơn giá	Điều kiện TT	Hạn thanh toán	Loại tiền	Tên	Tỷ giá	Tổng giá trị
		15/01/2009	VND		1/131	

Mã hàng	Tên hàng	Mã kho	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ CK
TL_TO	Tủ lạnh TOSHIBA 60 lít	156	12	5 500 000	66 000 000	
TL_TOSH	Tủ lạnh TOSHIBA 110 lít	156	8	8 500 000	68 000 000	

Hàng-Tiền: 134 000 000    Thuế: 13 400 000    Tổng cộng: 147 400 000

**\* Lập hóa đơn bán hàng**

**Hóa đơn bán hàng**

Khách hàng: CT\_HOANAM (Công ty Cổ phần Hoa Nam)  
 Ngày: 18/01/2009  
 Địa chỉ: Số 831 Hà An  
 Số: BHD000002  
 MST: 0100782209

Số HD	Ngày HD	Đơn đặt hàng	Đơn giá	Điều kiện TT	Hạn TT	Loại tiền	Tên	Tỷ giá	Số CT gốc
0075493	18/01/2009	BHD000001			18/01/2009	VND		1/131	

Mã hàng	Tên hàng	Mã kho	Số lượng	Đơn giá	TK	Thành tiền	Tỷ lệ CK
TL_TOSHIB	Tủ lạnh TOSHIBA 60 lít	156	12	5 500 000	5111	66 000 000	2
TL_TOSHIB	Tủ lạnh TOSHIBA 110 lít	156	8	8 500 000	5111	68 000 000	2

Hàng-Tiền: 134 000 000    Thuế: 13 132 000    Tổng cộng: 144 452 000

**\* Lập chứng từ hàng trả lại, giảm giá**

Trong quá trình bán hàng, sản phẩm, hàng hóa có thể bị khách hàng trả lại hoặc giảm giá cho khách hàng do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng hay hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách theo quy định trong hợp đồng. Khi đó phải hạch toán các bút toán giảm giá, hoặc trả lại hàng. Màn hình dưới thể hiện trường hợp phát sinh hàng bán trả lại.



Hàng bán trả lại

Tìm kiếm Sau Thêm Sửa Cài Xóa Bỏ ghi Hoàn In Duyệt Nạp Mẫu Giúp Đóng

**Hàng bán trả lại**  Tự động tính giá vốn  Hàng bán trả lại  Giảm giá  Chọn hoá đơn...

Khách hàng						Chứng từ	
Tên	CT_HOANAM	Công ty Cổ phần Hoa Nam				Ngày	19/01/2009
Địa chỉ	Số 831 Hà An					Số	BHT000001
MST	0100782209	Đại diện					

Số HĐ	Ngày HĐ	Tỷ lệ/HĐ	Điều khoản TT	Hạn TT	Loại tiền	Tỉ giá	Tỷ lệ thuế
0075493	18/01/2009	AB/2008T		18/01/2009	VND		1 131

Mã hàng	Diễn giải	Mã kho	Số lượng	TK	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ thuế
TL_TO	Tủ lạnh TOSHIBA 60 lít	156	2	531	5 500 000	11 000 000	1561

Hàng-Tiền  Thuế  Giá thành

	Tiền hàng	Chiết khấu	Thuế	Tổng cộng
Tiền hàng	11 000 000			11 000 000
Chiết khấu		220 000		220 000
Thuế			1 078 000	1 078 000
<b>Tổng cộng</b>				<b>11 858 000</b>

**\* Lập chứng từ thanh toán công nợ phải thu**

Khi bán hàng, nếu chưa được thanh toán ngay thì giá trị của lô hàng bán sẽ được ghi trên tài khoản công nợ. Đến khi phát sinh nghiệp vụ trả tiền từ khách hàng, người sử dụng sẽ hạch toán bút toán thanh toán công nợ.

Thu tiền khách hàng

Tìm kiếm Sau Thêm Sửa Cài Xóa Bỏ ghi Hoàn In Duyệt Nạp Mẫu Giúp Đóng

**Thu tiền khách hàng** Ngày 29/01/2009

Thu của CT\_HOANAM Công ty Cổ phần Hoa Nam Số PT000007

Diễn giải

Số thu của khách hàng	Loại tiền	Tỉ giá	Quy đổi	TK phải thu	TK thanh toán	Hợp đồng	Chi nhánh	Số CT gốc
100 000 000	VND	1	100 000 000	131	1111			

Phương thức thanh toán: Tiền mặt

Ngày	Loại	Số CT từ	Phải thu	Còn phải	Số tiền	Quy đổi
✓ 18/01/2009	HĐ bán hàng	BHT000002	144 452 000	144 452 000	100 000 000	100 000 000
<b>Tổng cộng</b>			<b>144 452 000</b>	<b>144 452 000</b>	<b>100 000 000</b>	<b>100 000 000</b>

Chọn hóa đơn đóng:  Tiền nợ  Chiết khấu  Số đã sử dụng: 100 000 000  
Số thừa: 0



### \* Đối trừ chứng từ công nợ

Trong một số phần mềm kế toán có tính năng đối trừ công nợ cho các chứng từ bán hàng và chứng từ thanh toán công nợ. Tính năng này rất hữu ích cho người sử dụng trong việc theo dõi công nợ của khách hàng theo từng hóa đơn. Người sử dụng sẽ biết hóa đơn bán hàng nào chưa được thanh toán hoặc đã được thanh toán và thanh toán được bao nhiêu.

**Đối trừ chứng từ - khách hàng**

Đối tượng: Khách hàng **CT\_HOANAM** Công ty Cổ phần Hoa Nam  
TK Phải thu: **131**

Phương pháp đối trừ:  
 Tự động  
 Thủ công

**Chứng từ đã trả**

Ngày	Loại	Số	Tri giá	Chưa thanh toán	Số đối trừ
✓ 19/01/2009	B.trả lại/G.giá	BHT000001	12 078 000	11 858 000	11 858 000
				11 858 000	11 858 000

**Chứng từ còn nợ**

Ngày	Loại	Số	Số nợ	Số đối trừ
✓ 18/01/2009	HĐ bán hàng	BHĐ000002	147 132 000	44 452 000
			44 452 000	11 858 000

**Số dư 32 594 000**

Buttons: Chọn tất, Bỏ chọn, Chi tiết, Đối trừ, Bỏ đối trừ, Kết thúc

Dialog: MISAPME Sales: 7.9, Hoàn thành!, OK

### 3.5. Xem và in báo cáo liên quan đến bán hàng

Sau khi cập nhật các chứng từ liên quan đến bán hàng, phần mềm sẽ tự động xử lý và đưa ra các báo cáo bán hàng. Khi xem các báo cáo, người sử dụng phải chọn các tham số cần thiết.

#### \* Nhật ký bán hàng

- Chọn tham số báo cáo như: khoảng thời gian in.

Chọn tham số báo cáo

Chọn kỳ báo cáo  
 Tự chọn

Từ ngày 01/01/2009 Đến ngày 15/01/2009

Thực hiện

Hủy bỏ

- Xem báo cáo:

Công ty TNHH ABC

100 Hùng Vương, Q Tây Hồ, Hà Nội

**SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG**

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 15/01/2009

Mẫu số : S03a4-DN

(Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có	Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng				
A	B	C	D	E	F	I
05/01/2009	BHD000001	05/01/2009	Tivi LG 21 inches	131	5111	20.000.000
05/01/2009	BHD000001	05/01/2009	Tivi LG 29 inches	131	5111	98.800.000
05/01/2009	BHD000001	05/01/2009	Tivi LG 21 inches	131	33311	2.000.000
05/01/2009	BHD000001	05/01/2009	Tivi LG 29 inches	131	33311	5.880.000
10/01/2009	PT000004	10/01/2009	Điện thoại NOKIA N6	1111	33311	5.800.000
10/01/2009	PT000004	10/01/2009	Điện thoại SAMSUNG E8	1111	33311	4.328.000
10/01/2009	PT000004	10/01/2009	Điện thoại NOKIA N6	1111	5111	98.000.000
10/01/2009	PT000004	10/01/2009	Điện thoại SAMSUNG E8	1111	5111	40.280.000
<b>Tổng cộng</b>						<b>198.888.000</b>

Sổ này có 1 trang, trang đánh số từ trang 1 đến trang 1

Ngày mở sổ 20/02/2009

Người ghi số  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kê toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

\* Sổ chi tiết bán hàng

- Chọn tham số báo cáo như: khoảng thời gian in.

Chọn tham số báo cáo

Chọn kỳ báo cáo

Tự chọn

Từ ngày 01/01/2009 Đến ngày 15/01/2009

Thực hiện

Hủy bỏ

- Xem báo cáo:

Công ty TNHH ABC

100 Hùng Vương, Q. Tây Hồ, Hà Nội

Mẫu số S35 - DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

### SỐ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 15/01/2009

Quyển số:.....

Ngày, tháng ghi số	Chương từ		Địa điểm	TK đối ứng	Doanh thu			Thuế
	Số	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4
05/01/2009	BHD000001	05/01/2009	Tivi LG 21 inches	5111	5	4.000.000	20.000.000	
05/01/2009	BHD000001	05/01/2009	Tivi LG 29 inches	5111	6	9.800.000	58.800.000	
05/01/2009	BHD000001	05/01/2009	Tivi LG 21 inches	33311				2.000.000
05/01/2009	BHD000001	05/01/2009	Tivi LG 29 inches	33311				5.880.000
10/01/2009	PT000004	10/01/2009	Điện thoại NOKIA N6	33311				5.800.000
10/01/2009	PT000004	10/01/2009	Điện thoại SAMSUNG E8	33311				4.300.000
10/01/2009	PT000004	10/01/2009	Điện thoại NOKIA N6	5111	10	5.800.000	58.000.000	
10/01/2009	PT000004	10/01/2009	Điện thoại SAMSUNG E8	5111	8	5.410.000	43.280.000	
<b>Cộng phát sinh</b>							180.080.000	18.008.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>							180.080.000	18.008.000

Số này có 1 trang đánh số từ trang 1 đến trang 1

Ngày mở sổ: .....

Ngày ..... tháng ..... năm 200...

Người ghi số

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

\* Tổng hợp công nợ phải thu

- Chọn tham số báo cáo như: khoảng thời gian, đối tượng khách hàng, tài khoản công nợ.

Từ ngày: 01/01/2009 Đến ngày: 31/01/2009

Thực hiện:  Hủy bỏ:

Khách hàng:   
 Nhóm khách hàng:   
 Chọn nhiều khách hàng:  Chọn  
 Tất cả

Tài khoản: 131  Tất cả các tài khoản

- Xem báo cáo:

Công ty Cổ phần MISA  
218 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

### TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/01/2009

Tài khoản 131 Phải thu của khách hàng

Mã khách hàng	Tên khách hàng	Tài khoản	Đầu kỳ		Phát sinh		Cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
CT_HOANAM	Công ty Cổ phần Hoa Nam	131			14.352.000	14.798.000	42.594.000	
CT_HUEHOA	Công ty Cổ phần Huế Hoa	131	40.488.250				40.488.250	
CT_TANHOA	Công ty TNHH Tân Hòa	131	30.510.000				30.510.000	
CT_TIENDAT	Công ty TNHH Tiến Đạt	131			80.680.000		80.680.000	
<b>Tổng cộng</b>			<b>80.996.250</b>		<b>234.832.000</b>	<b>14.798.000</b>	<b>306.270.250</b>	

Người lập  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

#### 4. Bài tập thực hành

Tại Công ty TNHH ABC có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến hoạt động bán hàng như sau:

1. Ngày 05/01/2009, bán hàng cho Công ty TNHH Tiến Đạt (VAT 10%; chưa thu tiền).

- Tivi LG 21inches số lượng: 05 chiếc, đơn giá: 4.000.000 (đ/chiếc)

- Tivi LG 29 inches số lượng: 06 chiếc, đơn giá: 9.800.000 (đ/chiếc)

Theo hoá đơn giá trị gia tăng số: 0075491; ký hiệu: AB/2009T

2. Ngày 10/01/2009, bán hàng thu tiền mặt của Công ty TNHH Trà Anh (VAT:10%)

- Điện thoại NOKIA N6 số lượng: 10 chiếc, đơn giá: 5.800.000 (đ/chiếc)

- Điện thoại SAMSUNG E8 số lượng: 08 chiếc, đơn giá: 5.410.000 (đ/chiếc)

Theo hoá đơn giá trị gia tăng số: 0075492; ký hiệu: AB/2009T.

3. Ngày 15/01/2009, Công ty cổ phần Hoa Nam đặt hàng gồm (VAT 10%).

- Tủ lạnh TOSHIBA 60 lít số lượng: 12 chiếc, đơn giá: 5.500.000 (đ/chiếc)

- Tủ lạnh TOSHIBA 110 lít số lượng: 08 chiếc, đơn giá: 8.500.000 (đ/chiếc)

4. Ngày 18/01/2009, chuyển hàng cho Công ty cổ phần Hoa Nam theo đơn hàng ngày 15/01/2009, chưa thu tiền (tỷ lệ chiết khấu 2% với mỗi mặt hàng).

- Tủ lạnh TOSHIBA 60 lít số lượng: 12 chiếc, đơn giá: 5.500.000 (đ/chiếc)

- Tủ lạnh TOSHIBA 110 lít số lượng: 08 chiếc, đơn giá: 8.500.000 (đ/chiếc)

Theo hoá đơn giá trị gia tăng số: 0075493; ký hiệu: AB/2009T.

5. Ngày 19/01/2009, Công ty Cổ phần Hoa Nam trả lại hàng.

- Tủ lạnh TOSHIBA 60 lít số lượng: 02

6. Ngày 17/01/2009, bán hàng cho Công ty TNHH Tân Hòa, thu bằng tiền gửi tại ngân hàng BIDV, VAT 10%.

- Điện thoại NOKIA N7 SL: 05 chiếc, đơn giá: 6.500.000 (đ/chiếc).

- Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 24000BTU SL: 02 chiếc, đơn giá: 16.500.000(đ/chiếc).



Theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0075494, ký hiệu: AB/2009T.

7. Ngày 25/02/2009, bán hàng cho Công ty cổ phần Thái Lan chưa thu tiền.

- Điện thoại SAMSUNG D9 số lượng: 06 chiếc, đơn giá: 6.000.000 (đ/chiếc).

VAT 10%, theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0075495, ký hiệu AB/2009T.

8. Ngày 06/03/2009, bán hàng cho khách lẻ thu tiền mặt, VAT 10%.

- Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 24000BTU số lượng: 03 chiếc, đơn giá: 16.600.000 (đ/chiếc)

Yêu cầu:

- Khai báo danh mục nhà cung cấp, vật tư hàng hóa (thông tin danh sách lấy phần Bài tập thực hành Chương 2).

- Hạch toán các nghiệp phát sinh vào phần mềm (Phải nhập trước các nghiệp vụ trong phần Bài tập).

- In Sổ chi tiết bán hàng, nhật ký bán hàng, tổng hợp công nợ phải thu...

## **Chương IX**

# **KẾ TOÁN THUẾ**

**Sau khi hoàn thành Chương này, bạn có thể nắm được:**

- Nguyên tắc hạch toán
- Mô hình hóa hoạt động thuế
- Sơ đồ hạch toán kế toán thuế
- Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán

### **1. Nguyên tắc hạch toán**

Thuế giá trị gia tăng tại một doanh nghiệp bao gồm thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ và thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp.

- Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ: là thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp: là các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp, đã nộp và còn phải nộp của ngân sách nhà nước trong kỳ kế toán năm.

Khi hạch toán thuế giá trị gia tăng cần tuân theo một số quy định sau:

☞ Với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ:

- Chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp khấu trừ.

- Phải hạch toán riêng thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ hoặc không được khấu trừ đối với những hàng hóa, dịch vụ mua vào dùng đồng thời cho hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng chịu thuế và không chịu thuế.

- Số thuế giá trị gia tăng sẽ được cộng vào giá trị của vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua vào đối với những vật tư, hàng hóa dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh không thuộc đối tượng chịu thuế hoặc chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

- Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào thì phải được kê khai trong tháng đó. Nếu trong tháng, số thuế giá trị gia tăng đầu vào lớn hơn thuế giá trị gia tăng đầu ra, thì sau khi thực hiện khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào còn lại sẽ được chuyển sang kỳ sau để khấu trừ tiếp hoặc xét hoàn thuế theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng

☞ Với thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp:

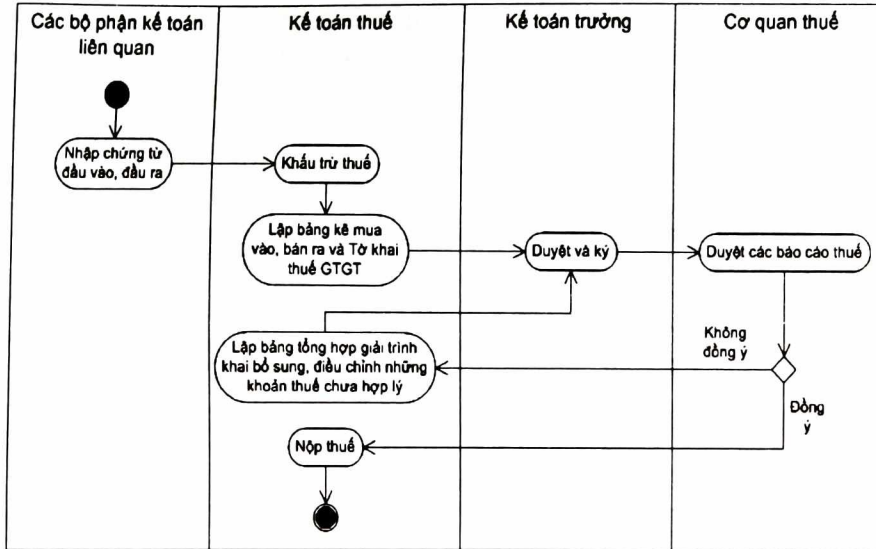
- Doanh nghiệp phải chủ động xác định số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp cho Nhà nước; kịp thời phản ánh vào sổ kế toán số thuế phải nộp.

- Doanh nghiệp thực hiện nghiêm chỉnh việc nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thuế, phí và lệ phí cho Nhà nước. Không được vì bất cứ lý do gì để trì hoãn việc nộp thuế.

- Kế toán phải mở sổ chi tiết theo dõi từng khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp, còn phải nộp.

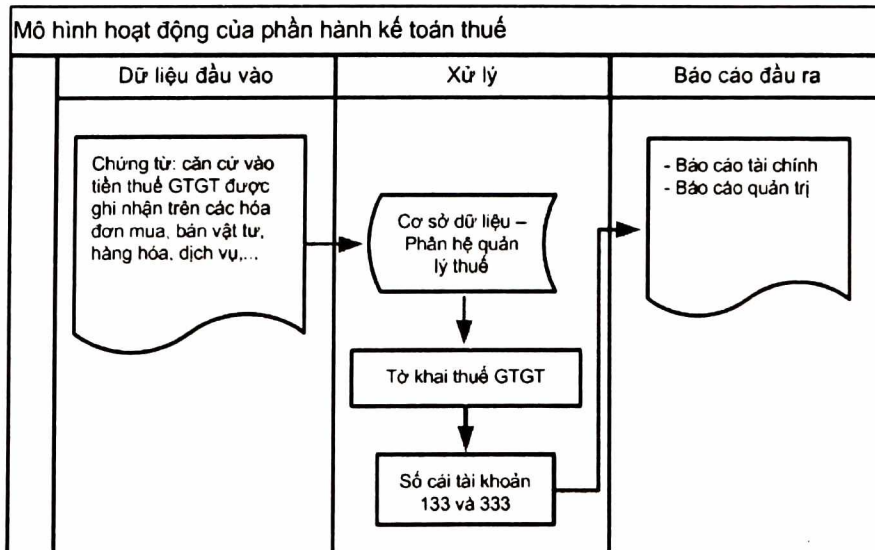
- Doanh nghiệp nộp thuế bằng ngoại tệ phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá quy định để ghi sổ kế toán (nếu ghi sổ bằng Đồng Việt Nam).

## 2. Mô hình hóa hoạt động thuế



## 3. Thực hành trên phần mềm kế toán

### 3.1. Quy trình xử lý trên phần mềm để ra báo cáo



## 4.2. Thiết lập các danh mục sử dụng trong quản lý thuế

Các danh mục sử dụng trong phân hệ được lấy theo danh mục được khai báo trên các phân hệ vật tư, hàng hóa; mua hàng; bán hàng. Ngoài ra, các phần mềm cũng thiết lập sẵn một số danh mục khác thuận tiện cho doanh nghiệp trong việc quản lý các hoạt động liên quan đến thuế như: danh mục các khoản thuế hoặc bảng thuế suất.

Các Khoản thuế

Mã	Tên khoản thuế	Tài khoản
01	Thuế GTGT khấu trừ trên hàng hóa	1331
02	Thuế GTGT khấu trừ trên TSCĐ	1332
11	Thuế GTGT hàng bán nội địa	33311
12	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	33312
12.1	Thuế GTGT hàng nhập khẩu không	33312
20	Thuế tiêu thụ đặc biệt	3332
30	Thuế xuất, nhập khẩu	3333
40	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3334
60	Thuế tài nguyên	3336
70	Thuế nhà đất	3337
71	Thuế thuê đất	3337
80	Thuế môn bài	3338
81	Thuế thu nhập cá nhân	3335
91	Các khoản phụ thu	3339
92	Các khoản phí, lệ phí	3339
93	Các khoản phải nộp khác	3339

Số bản ghi: 16

Bảng thuế suất

Mã thuế suất	Phương pháp tính	Thuế suất (%)	Ghi chú
V00	Ngoài doanh số	0	
V05	Ngoài doanh số	5	
V10	Ngoài doanh số	10	
V00KKT	Ngoài doanh số	0	Đầu vào không được khấu trừ
V05KKT	Ngoài doanh số	5	Đầu vào không được khấu trừ
V10KKT	Ngoài doanh số	10	Đầu vào không được khấu trừ
V00KTMP	Ngoài doanh số	0	Đầu vào 0% được khấu trừ một phần
V05KTMP	Ngoài doanh số	5	Đầu vào 5% được khấu trừ một phần
V10KTMP	Ngoài doanh số	10	Đầu vào 10% được khấu trừ một phần
V00DATSCĐ	Ngoài doanh số	0	Thuế đầu vào 0% dùng cho dự án đầu tư hình thành TSCĐ
V05DATSCĐ	Ngoài doanh số	5	Thuế đầu vào 5% dùng cho dự án đầu tư hình thành TSCĐ
V10DATSCĐ	Ngoài doanh số	10	Thuế đầu vào 10% dùng cho dự án đầu tư hình thành TSCĐ
DC	Ngoài doanh số	10	Điều chỉnh thuế GTGT đã kê khai kỳ trước
KCT	Ngoài doanh số	0	Không chịu thuế GTGT
DCTSCĐ	Ngoài doanh số	0	Điều chỉnh thuế dùng cho dự án đầu tư hình thành TSCĐ
V00A	Trong doanh số	0	HĐ thường hoặc không có HĐ
V00A2	Trong doanh số	0	Hóa đơn thường lên bảng kê mua vào phần 2
V00A3	Trong doanh số	0	Hóa đơn thường lên bảng kê mua vào phần 3
V00A4	Trong doanh số	0	Hóa đơn thường lên bảng kê mua vào phần 4

Số bản ghi: 19



### 3.3. Các chứng từ đầu vào liên quan

Các chứng từ dùng cho việc hạch toán thuế bao gồm:

- Hóa đơn mua hàng do nhà cung cấp lập bao gồm: hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn thông thường.
- Hóa đơn bán hàng cho khách hàng bao gồm: hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn thông thường.

### 3.4. Nhập chứng từ đầu vào liên quan

Trong các phần mềm kế toán, các nghiệp vụ thuế thường được hạch toán cùng các hóa đơn giá trị gia tăng đầu vào hoặc hóa đơn giá trị gia tăng đầu ra.

\* Các hóa đơn GTGT đầu vào

Hóa đơn mua hàng

Tên: CT\_HONGHA Công ty TNHH Hồng Hà Ngày: 03/01/2009  
Địa chỉ: Số 9241, Nguyễn Văn Cừ, Hà Nội Số: MH0000001  
MST: 0100231467-1

0012745	03/01/2009	NK/2007		03/01/2008	VND	1
---------	------------	---------	--	------------	-----	---

TV_LGPHANG	Tivi LG 21 inches	V10	10	2 700 000	2 700 000	1331
TV_LGPHANG29	Tivi LG 29 inches	V10	10	7 192 000	7 192 000	1331

Hàng liên  Thuế  Đối tượng/Giá thành  Hàng nhập khẩu

Diễn giải:

Xem chi hàng	Phi vận chuyển	Công nợ	HT hàng nhập khẩu
Tiền hàng	98 920 000	98 920 000	
Chiết khấu	0	0	
Thuế GTGT	9 892 000	9 892 000	
Tổng cộng	108 812 000	108 812 000	
Thuế nhập khẩu	0	0	
Phí vận chuyển	0	0	
Giá trị nhập kho	98 920 000	98 920 000	

Phiếu chi

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Bỏ ghi Hoàn In Duyệt Nạp Mẫu Giúp Đóng

### Phiếu chi tiền mặt

Đối tượng: Nhân viên

<b>Đối tượng</b>		<b>Chứng từ</b>	
Tên: PVMINH	Phan Văn Minh	Ngày: 24/01/2009	Số: PC000003
Địa chỉ:			
Diễn giải:	Thanh toán tiền điện tháng 01/2008		

TK quỹ	Tiền tệ	Tỷ giá	Số tiền	Quy đổi	CT gốc kèm theo
1111	VND	1	1 650 000	1 650 000	

**Chi tiết** | Thuế

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Quy đổi	Diễn giải
6427	1111	1 500 000	1 500 000	
1331	1111	150 000	150 000	

Định khoản  Giá thành

\* Các hóa đơn giá trị gia tăng đầu ra

Hoá đơn bán hàng

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Bỏ ghi Hoàn In Duyệt Nạp Mẫu Giúp Đóng

### Hoá đơn bán hàng

<b>Khách hàng</b>		<b>Chứng từ</b>	
Tên: CT_TIENDAT	Công ty TNHH Tiến Đạt	Ngày: 05/01/2009	Số: BHD000001
Địa chỉ: Số 1756 Đai Cấn, Ba Đình, Hà Nội			K. hiệu HD: AB/0007T
MST: 0100102478	Đại diện:		

Số HD: 0075491	Ngày Hết: 05/01/2009	Đơn đặt hàng:	Bao gói:	Điều khoản TT:	Hạn TT: / /	Loại tiền: VND	Tỷ giá: 1	Tx. phải thu: 1131	Số CT gốc:
----------------	----------------------	---------------	----------	----------------	-------------	----------------	-----------	--------------------	------------

Mã hàng	Diễn giải	Mã thuế	Thuế suất	Tên thuế	Tx. thuế
TV_LGPI	Tivi LG 21 inches	V10	10	1 550 000	33311
TV_LGPHAI	Tivi LG 29 inches	V10	10	5 460 000	33311

Hàng-Tiền  Thuế  Giá thành

Diễn giải:

Tiền hàng	70 100 000	70 100 000
Chiết khấu	0	0
Thuế	7 010 000	7 010 000
<b>Tổng cộng</b>	<b>77 110 000</b>	<b>77 110 000</b>

Tên đơn hàng  Công nợ

Phiếu thu

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Bỏ ghi Hoàn In Duyệt Nạp Mẫu Giúp Đóng

**Phiếu thu tiền mặt** Đối tượng: Khách hàng

<b>Đối tượng</b>		<b>Chứng từ</b>	
Tên: CT_THAILAN	Công ty Cổ phần Thái Lan	Ngày: 25/02/2009	Số: PT000005
Địa chỉ: Số 599 Tùng Lân, Hà Nội			
Điện giải: Nhung bán máy vi tính Intel O2			

TK quy	Tiền tệ	Tỷ giá	Số tiền	Quy đổi	CT gốc kèm theo
1111	VND	1	4 400 000	4 400 000	

**Chi tiết** Thuế

TK Ng	TK Co	Số tiền	Quy đổi	Điện giải
1111	711	4 000 000	4 000 000	
1111	33311	400 000	400 000	

Định khoản  Giá thành

### 3.5. Xem và in các báo cáo liên quan đến hoạt động quản lý thuế

Sau khi cập nhật các chứng từ mua hàng, bán hàng có phát sinh thuế giá trị gia tăng, phần mềm sẽ tự động xử lý và đưa ra các báo cáo thuế. Khi xem các báo cáo, người sử dụng phải chọn các tham số cần thiết.

- \* Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào
- Chọn tham số báo cáo như: khoảng thời gian, đối tượng.

Chọn kỳ báo cáo

Từ ngày: 01/01/2009 Đến ngày: 31/01/2009

Hiện tên đối tượng

Hiện tên và địa chỉ đối tượng

Chi tiết theo từng mặt hàng

Hiện số chứng từ trong phần ghi chú

Chọn chi nhánh: [ ]

Hiện thi hóa đơn thường

- Xem báo cáo:

**BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO**

( Kêu theo tờ khai thuế GTGT theo mẫu số 01/GTGT )

Kỳ tính thuế: Tháng 1 năm 2009

Mẫu số: 01-GTGT  
 Theo hình thức theo Thông tư số  
 08/2003/TT-BTC ngày 1/09/2003 của  
 Bộ Tài Chính

Người nộp thuế: Công ty TNHH ABC

Mã số thuế:

Đơn vị tiền tệ: VND

STT	Hóa đơn, chứng từ mua, bán lại nộp thuế			Tên người bán	Mã số thuế người bán	Mặt hàng	Đơn giá mua chưa có thuế	Thuế suất	Thuế GTGT	Ghi chú
	Ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn	Ngày, tháng, năm phát hành							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<i>1 Hàng hóa, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT</i>										
1			01/01/2009				00,000	0%	00,000	
2	NE/2008	0012745	02/01/2009	Công ty TNHH Hồng Hà	0100231467-1	Tivi LG 29 inches	90,000	0%	0,000	
3	AC/2008	0052346	03/01/2009	Công ty Cổ phần Việt Hà		Điện thoại NOKIA N6	97,000	0%	0,000	
4	NE/2008	MHT000001	04/01/2009	Công ty TNHH Hồng Hà	0100231467-1	Tivi LG 21 inches	60,000	0%	0,000	Trả lại, giảm giá
5	AB/2009T	0045612	12/01/2009	Công ty Tuấn Anh			10,000	0%	1,000	
6	AF/2008	0025857	13/01/2009	Công ty TNHH Lan Tân	0100422887-1	Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 12000 BTU	95,000	0%	0,000	
7	TD/2008	0051245	22/01/2009	Phạm Văn Minh			1,000	0%	0,000	
8	EY/2009	007852	22/01/2009	Công ty Hữu Tâm			50,000	0%	5,000	
9			24/01/2009				20,000	0%	2,000	
<b>Tổng</b>							<b>664,957,000</b>		<b>66,495,700</b>	
<i>2 Hàng hóa, dịch vụ dùng riêng cho SXKD không chịu thuế GTGT</i>										
<b>Tổng</b>										
<i>3 Hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT</i>										
<b>Tổng</b>										
<i>4 Hàng hóa, dịch vụ dùng cho dự án đầu tư hình thành TSCĐ</i>										
<b>Tổng</b>										

\* Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra  
 - Chọn tham số báo cáo như: khoảng thời gian, đối tượng.

- Xem báo cáo:

**BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA**

( Kèm theo tờ khai thuế GTGT theo mẫu số 01/GTGT )

Kỳ tính thuế: Tháng 1 năm 2009

Mẫu số: 01-GTGT  
 (Theo hướng dẫn thực hiện thông tư số  
 60/2007/TT-BTC ngày 14/04/2007  
 của Bộ Tài Chính)

Người nộp thuế: Công ty TNHH ABC

Mã số thuế:

Đơn vị tiền tệ: VND

STT	Hoá đơn, chứng từ liên			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Đơn giá Số tiền Số thuế Số thuế	Thuế số	Thuế GTGT	Ghi chú
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1. Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT										
TỔNG										
2. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%										
TỔNG										
3. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%										
TỔNG										
4. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%										
1	AB/2008T	0075491	05/01/2009	Công ty TNHH Tiến Đạt	0100102478	Tivi LG 29 inches	78.800.000	10%	7.880.000	
2	AB/2008T	0075492	10/01/2009	Công ty TNHH Tài Anh	0100013354	Điện thoại NOKIA N6	101.280.000	10%	10.128.000	
3	AB/2008T	0075493	18/01/2009	Công ty Cổ phần Hoa Nam	0100782209	Tủ lạnh TOSHIBA 110 lít	131.320.000	10%	13.132.000	
4	AB/2008T	0075493	18/01/2009	Công ty Cổ phần Hoa Nam	0100782209	Tủ lạnh TOSHIBA 60 lít	111.000.000	10%	11.098.000	
TỔNG							381.400.000		38.062.000	

\* Tờ khai thuế GTGT

- Chọn tham số báo cáo như: khoảng thời gian in

Chọn tham số báo cáo ✖

Chọn kỳ báo cáo

Tự chọn ▼

Từ ngày  Đến ngày

Thực hiện

Hủy bỏ



- Xem báo cáo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Bộc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>		Mẫu số: 01/GTGT <small>(Ban hành kèm theo thông tư số 50/2007/TT-BTC ngày 14/06/2007 của Bộ Tài Chính)</small>	
TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT) [01]: Kỳ tính thuế : Tháng 01 năm 2009			
[02] Người nộp thuế: Công ty TNHH ABC			
[03] Mã số thuế:			
[04] Địa chỉ: 100 Hưng Vương, Q.Tây Hồ, Hà Nội			
[05] Quận/Huyện: 0	[06] Tỉnh/Thành phố 0		
[07] Điện thoại	[08] Fax:	[09] E-Mail:	
Đơn vị tiền: VND			
STT	Chi tiêu	Giá trị HHDV (Chưa có thuế GTGT)	Thuế GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (Đánh dấu "X")	[10]	
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang		[11]
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp ngân sách nhà nước		
I	Hàng hóa, dịch vụ (HHDV) mua vào		
1	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ ([12]=[14]+[16]; [13]=[15]+[17])	[12] 454.957.000	[13] 45.495.700
a	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong nước	[14]	[15]
b	Hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu	[16]	[17]
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước		
a	Điều chỉnh tăng	[18]	[19]
b	Điều chỉnh giảm	[20]	[21]
3	Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào ([22]=[13]+[19]-[21])		[22] 45.495.700
4	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này		[23] 45.495.700
II	Hàng hóa, dịch vụ bán ra		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ ([24]=[26]+[27]; [25]=[28])	[24] 300.400.000	[25] 30.062.000
1.1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	[26]	
1.2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27]=[29]+[30]+[32]; [28]=[31]+[33])	[27] 300.400.000	[28] 30.062.000
a	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29]	
b	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30]	[31]
c	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32] 300.400.000	[33] 30.062.000
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước		
a	Điều chỉnh tăng	[34]	[35]
b	Điều chỉnh giảm	[36]	[37]
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([38]=[24]+[34]-[36]; [39]=[25]+[35]-[37])	[38] 300.400.000	[39] 30.062.000
III	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ		
1	Thuế GTGT phải nộp trong kỳ ([40]=[39]-[23]-[11])		[40]
2	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này ([41]=[39]-[23]-[11])		[41] 15.433.700
2.1	Thuế GTGT để nghỉ hoãn kỳ này		[42]
2.2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]=[41]-[42])		[43] 15.433.700
Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai Ngày ..Tháng ..Năm.... NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)			

## Chương X

# KẾ TOÁN TỔNG HỢP VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

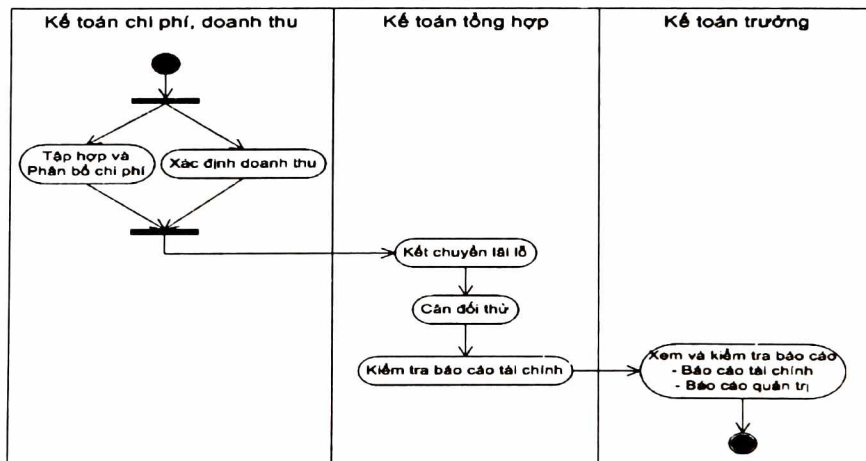
Sau khi hoàn thành Chương này, bạn có thể nắm được:

- Nhiệm vụ của kế toán tổng hợp.
- Mô hình hoạt động kế toán tổng hợp.
- Sơ đồ hạch toán kế toán tổng hợp.
- Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán.

### 1. Nhiệm vụ kế toán tổng hợp

- Quản lý và rà soát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Kiểm tra và thực hiện yêu cầu kế toán chi tiết.
- Tổng hợp và làm công tác kế toán cuối kỳ: tính khấu hao tài sản cố định, khấu trừ thuế, bút toán phân bổ định kỳ, kết chuyển tự động để xác định kết quả kinh doanh.
- Thực hiện công tác sổ sách hàng tháng, báo cáo thuế và báo cáo tài chính quý, năm.
- ...

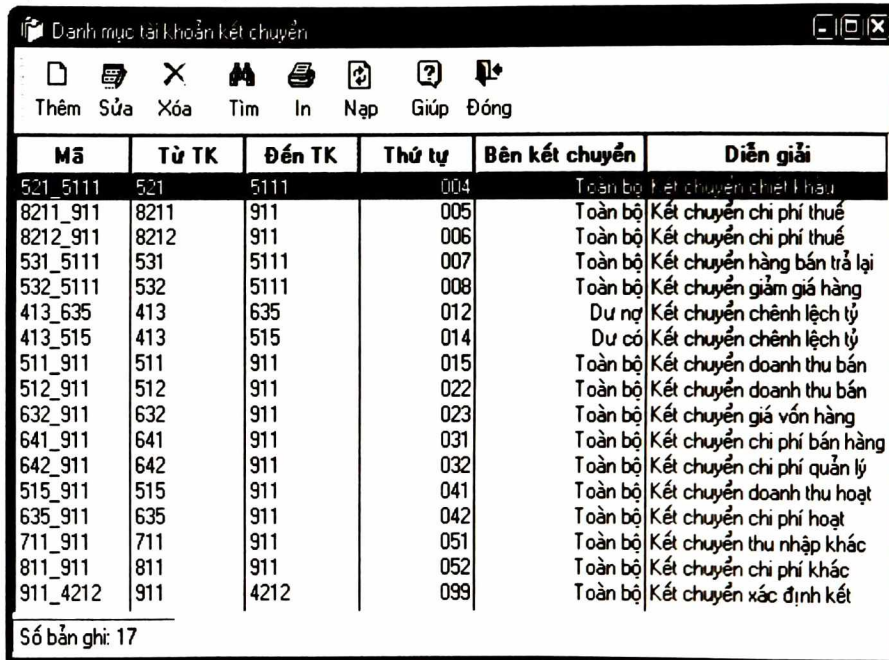
### 2. Mô hình hóa hoạt động kế toán tổng hợp



### 3. Thực hành trên phần mềm kế toán

#### 3.1. Thiết lập liên quan

Thiết lập danh mục tài khoản kết chuyển xác định kết quả kinh doanh: thông thường kế toán máy đã thiết lập sẵn danh mục kết chuyển theo hệ thống tài khoản và theo quy định của chế độ kế toán.



Mã	Từ TK	Đến TK	Thứ tự	Bên kết chuyển	Diễn giải
521_5111	521	5111	004	Toàn bộ	Kết chuyển chiết khấu
8211_911	8211	911	005	Toàn bộ	Kết chuyển chi phí thuế
8212_911	8212	911	006	Toàn bộ	Kết chuyển chi phí thuế
531_5111	531	5111	007	Toàn bộ	Kết chuyển hàng bán trả lại
532_5111	532	5111	008	Toàn bộ	Kết chuyển giảm giá hàng
413_635	413	635	012	Dư nợ	Kết chuyển chênh lệch tỷ
413_515	413	515	014	Dư có	Kết chuyển chênh lệch tỷ
511_911	511	911	015	Toàn bộ	Kết chuyển doanh thu bán
512_911	512	911	022	Toàn bộ	Kết chuyển doanh thu bán
632_911	632	911	023	Toàn bộ	Kết chuyển giá vốn hàng
641_911	641	911	031	Toàn bộ	Kết chuyển chi phí bán hàng
642_911	642	911	032	Toàn bộ	Kết chuyển chi phí quản lý
515_911	515	911	041	Toàn bộ	Kết chuyển doanh thu hoạt
635_911	635	911	042	Toàn bộ	Kết chuyển chi phí hoạt
711_911	711	911	051	Toàn bộ	Kết chuyển thu nhập khác
811_911	811	911	052	Toàn bộ	Kết chuyển chi phí khác
911_4212	911	4212	099	Toàn bộ	Kết chuyển xác định kết

Số bản ghi: 17

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động của đơn vị có thể phát sinh những bút toán kết chuyển tự động khác. Vì vậy, đơn vị có thể thực hiện khai báo thêm cho phù hợp.

Ví dụ: Cuối kỳ kết chuyển hết từ tài khoản 154 sang tài khoản 632, kết chuyển dư Nợ, dư Có hay kết chuyển toàn bộ (kết chuyển số dư cả hai bên).

#### 3.2. Kết chuyển lãi lỗ xác định kết quả kinh doanh

Sau khi thiết lập thêm những bút toán kết chuyển tự động. Kế toán vào kết chuyển lãi lỗ, phần mềm sẽ tự động tổng hợp số liệu và đưa ra các bút toán kết chuyển:

Lưu ý: cần xóa bỏ tất cả các chứng từ kết chuyển lập sau ngày bạn định kết chuyển trước khi thực hiện chức năng này.

Số  Ngày  Diễn giải

Từ tài khoản	Đến tài khoản	Nợ cuối kỳ	Có cuối kỳ	Loại tiền	Giá thành
511	5111	2 460 000	0	VND	
8211	911	3 000 000	0	VND	
531	5111	11 000 000	0	VND	
5111	911	0	498 380 000	VND	
632	911	372 631 888	0	VND	
6413	911	3 876 486	0	VND	
6421	911	80 925 000	0	VND	
6423	911	2 300 000	0	VND	
6424	911	14 090 276	0	VND	
6425	911	1 000 000	0	VND	
6427	911	1 500 000	0	VND	
6428	911	3 675 832	0	VND	
711	911	0	4 000 000	VND	
811	911	3 022 222	0	VND	

### 3.3. Báo cáo kế toán

#### 3.3.1. Hệ thống sổ sách kế toán

##### \* Các hình thức sổ kế toán

- Hình thức Nhật ký chung.
- Hình thức Chứng từ ghi sổ.
- Hình thức Nhật ký chứng từ.
- Hình thức Nhật ký - Sổ cái.
- Hình thức kế toán máy.

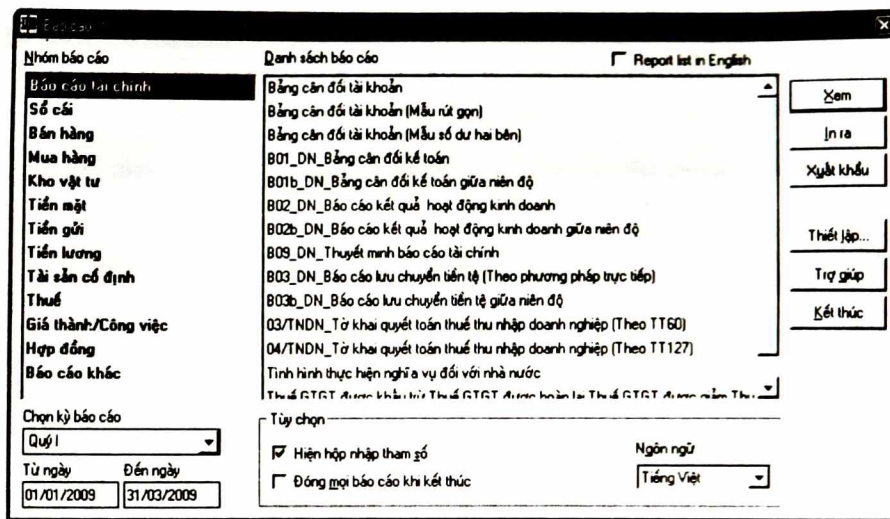
##### \* Báo cáo kế toán bằng hình thức kế toán máy

- Phần mềm kế toán ngoài các báo cáo theo chế độ, theo chuẩn mực, theo quy định còn có báo cáo quản trị.

- Phần mềm kế toán thường nhóm các báo cáo theo từng phần hành kế toán, mảng kế toán, chẳng hạn như: báo cáo tài chính, báo cáo tiền mặt, tiền gửi... đáp ứng được các báo cáo tại đơn vị, đồng thời tiện lợi cho công tác kế toán tại doanh nghiệp.

- Hệ thống báo cáo còn hỗ trợ nhiều ngôn ngữ khác nhau phù hợp với xu thế hiện nay.





### 3.3.2. Thiết lập báo cáo tài chính

#### \* Bảng cân đối kế toán

Nội dung: Phản ánh toàn bộ giá trị tài sản hiện có và nguồn hình thành tài sản đó của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định.

*Nguyên tắc lập:*

- Phải hoàn tất việc ghi sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết, tiến hành khoá sổ kế toán, tính số dư cuối kỳ.
- Kiểm tra lại số liệu ghi trên cột "Số cuối kỳ" của Bảng cân đối kế toán ngày 31/12 năm trước.
- Không được bù trừ số dư giữa hai bên Nợ và Có của các tài khoản thanh toán.

*Cơ sở số liệu:*

- Căn cứ vào các sổ kế toán tổng hợp và chi tiết.
- Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán kỳ trước (quý trước, năm trước).

*Thiết lập công thức báo cáo trên máy:*

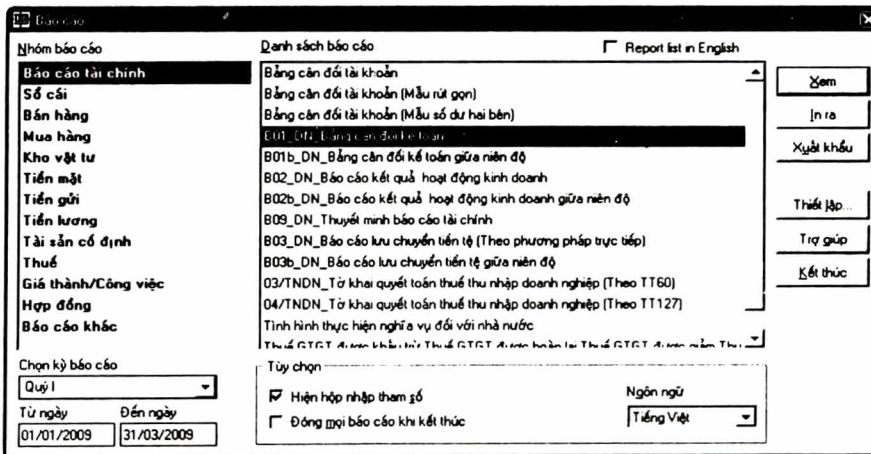
Phần mềm kế toán đã thiết lập sẵn công thức của từng chỉ tiêu trên báo cáo.



Noài ra, một số phần mềm còn có thêm phần thiết lập công thức linh động cho phép kế toán có thể sửa đổi một số chỉ tiêu trong trường hợp cần thiết.

**Xem báo cáo:** Để xem báo cáo kế toán thực hiện các bước sau:

- Vào hệ thống báo cáo.
- Chọn Bảng cân đối kế toán.
- Thiết lập các tham số xem báo cáo: Chọn kỳ báo cáo.
- Xem báo cáo.



\* Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

*Nội dung:*

- Phản ánh tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

*Cơ sở số liệu:*

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ trước.
- Sổ kế toán chi tiết, tổng hợp trong kỳ của các tài khoản từ loại 5 đến loại 9.

*Thiết lập công thức báo cáo:*

Phần mềm kế toán đã được thiết lập sẵn công thức lên báo cáo. Tuy nhiên, một số phần mềm kế toán cho phép

khách hàng có thể tự thiết lập công thức phù hợp, linh hoạt đối với những doanh nghiệp có mở tài khoản theo dõi doanh thu, chi phí.

**Xem báo cáo:** Để xem báo cáo kế toán thực hiện các bước sau:

- Vào hệ thống báo cáo.
- Chọn Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .
- Thiết lập các tham số xem báo cáo: Chọn kỳ báo cáo.
- Xem báo cáo.

Nhóm báo cáo	Danh sách báo cáo	Report list in English
Báo cáo tài chính	Bảng cân đối tài khoản	
Sổ cái	Bảng cân đối tài khoản (Mẫu rút gọn)	
Bán hàng	Bảng cân đối tài khoản (Mẫu số dư hai bên)	
Mua hàng	B01_DN_Bảng cân đối kế toán	
Kho vật tư	B01b_DN_Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	
Tiền mặt	B02_DN_Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
Tiền gửi	B02b_DN_Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	
Tiền lương	B09_DN_Thuyết minh báo cáo tài chính	
Tài sản cố định	B03_DN_Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Theo phương pháp trực tiếp)	
Thuế	B03b_DN_Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	
Giá thành/Công việc	03/TNDN_Từ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (Theo TT60)	
Hợp đồng	04/TNDN_Từ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (Theo TT127)	
Báo cáo khác	Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước	
	Thuế GTGT được khấu trừ Thuế GTGT được hoàn lại Thuế GTGT được giảm Thuế	

Chọn kỳ báo cáo: Quý I

Từ ngày: 01/01/2009 Đến ngày: 31/03/2009

Tùy chọn:
   
 Hiện hộp nhập tham số
   
 Đóng mọi báo cáo khi kết thúc

Ngôn ngữ: Tiếng Việt

\* Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

**Nội dung:** Phản ánh các luồng tiền trong doanh nghiệp theo hoạt động:

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư.

- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính.

**Cơ sở số liệu:**

- Theo phương pháp gián tiếp:

+ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Bảng cân đối kế toán.

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ trước.

+ Các tài liệu khác.

- Theo phương pháp trực tiếp:

+ Bảng cân đối kế toán.

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ trước.

+ Sổ kế toán thu, chi vốn bằng tiền.

+ Sổ kế toán theo dõi các khoản phải thu, phải trả.

**Các phương pháp lập:**

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp.

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp.

**Thiết lập công thức báo cáo trên máy:**

Phần mềm kế toán đã thiết lập sẵn công thức lên báo cáo. Tuy nhiên, một số phần mềm cho phép sửa được công thức thiết lập giúp cho báo cáo lập phù hợp với dòng tiền lưu chuyển đa dạng tại đơn vị, đảm bảo đúng tính chất báo cáo theo dòng tiền.

**Xem báo cáo:** Để xem báo cáo kế toán thực hiện các bước sau:

- Vào hệ thống báo cáo.

- Chọn Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

- Thiết lập các tham số xem báo cáo: Chọn kỳ báo cáo.

- Lựa chọn các nghiệp vụ cho từng hoạt động: Hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính.

- Xem báo cáo.

Report list in English

Nhóm báo cáo	Danh sách báo cáo
Báo cáo tài chính	Bảng cân đối tài khoản
Sổ cái	Bảng cân đối tài khoản (Mẫu rút gọn)
Bán hàng	Bảng cân đối tài khoản (Mẫu số dư hai bên)
Mua hàng	B01_DN_Bảng cân đối kế toán
Kho vật tư	B01b_DN_Bảng cân đối kế toán giữa niên độ
Tiền mặt	B02_DN_Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Tiền gửi	B02b_DN_Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ
Tiền lương	B09_DN_Thuyết minh báo cáo tài chính
Tài sản cố định	B03_DN_Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Theo quy định pháp luật hiện hành)
Thuế	B03b_DN_Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
Giả thành/Công việc	03/TNDN_Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (Theo TT160)
Hợp đồng	04/TNDN_Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (Theo TT127)
Báo cáo khác	Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước
	Thuế GTGT được khấu trừ Thuế GTGT được hoàn lại Thuế GTGT được miễn Thuế

Chọn kỳ báo cáo: Quý I  
 Từ ngày: 01/01/2009 Đến ngày: 31/03/2009

Hiện hợp nhập tham số  
 Đóng mọi báo cáo khi kết thúc

Ngôn ngữ: Tiếng Việt

Xem In ra Xuất khẩu Thiết lập... Trợ giúp Kết thúc

Phân biệt các hoạt động kinh tế theo hoạt động lưu chuyển tiền tệ

HĐ/CTT	Số CT	Ngày CT	Diễn giải	Nợ
HĐSXKD	CTK00001	1/1/2009	Doanh thu bán Máy vi tính 02	1111
HĐSXKD	PT00001	1/10/2009	Điện thoại SAMSUNG E8	1111
HĐSXKD	PT00003	2/17/2009	Điện thoại NOKIA N7	1121.02
HĐSXKD	PT00006	3/6/2009	Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 24000BTU	1111
HĐSXKD	PT00002	1/19/2009	Thu tiền hàng	1111
HĐSXKD	NT00002	2/28/2009	Tiền hàng	1121.02
HĐSXKD	NT00001	1/14/2009	Thu tiền bán hàng	1121.01
HĐSXKD	PC00001	1/10/2009	Thanh toán tiền mua hàng	331
HĐSXKD	S00002	1/28/2009	Chuyển tiền gửi ngân hàng trả tiền hàng nhập khẩu thuế	331
HĐSXKD	PT00005	2/25/2009	Nhượng bán máy vi tính Intel 02	1111

Tổng số bản ghi: 10      Chọn tài cả vào một hoạt động: HĐSXKD      Đóng ý      Hủy bỏ

\* Thuyết minh báo cáo tài chính

*Nội dung:*

- Phần I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp.
- Phần II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.
- Phần III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng.

- **Phần IV. Các chính sách kế toán áp dụng.**

- **Phần V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán.**

- **Phần VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.**

- **Phần VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.**

- **Phần VIII. Những thông tin khác.**

*Cơ sở số liệu:*

- Các sổ kế toán kỳ báo cáo.

- Bảng cân đối kế toán kỳ báo cáo.

- Báo cáo kết quả kinh doanh kỳ báo cáo.

- Thuyết minh báo cáo tài chính kỳ trước, năm trước.

- Sổ, thẻ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp.

*Thiết lập công thức báo cáo:*

Thông thường khi xem báo cáo trên phần mềm sẽ có phần nhập số liệu về đặc điểm doanh nghiệp, chính sách chế độ kế toán đơn vị áp dụng. Phần thông tin bổ sung cho các báo cáo khác phần mềm sẽ tự động tổng hợp số liệu theo quy định.

*Xem báo cáo:* Để xem báo cáo kế toán thực hiện các bước sau:

- Vào hệ thống báo cáo.

- Chọn Thuyết minh báo cáo tài chính.

- Thiết lập các tham số xem báo cáo: Chọn kỳ báo cáo.

- Nhập liệu những thông tin chung về doanh nghiệp, chuẩn mực, chế độ, chính sách kế toán áp dụng...

- In báo cáo.



Báo cáo

Nhóm báo cáo: Báo cáo tài chính

Chọn kỳ báo cáo: Quý I

Từ ngày: 01/01/2009 Đến ngày: 31/03/2009

Danh sách báo cáo

Report list in English

Bảng cân đối tài khoản

Bảng cân đối tài khoản (Mẫu rút gọn)

B01\_DN\_Bảng cân đối kế toán

B01b\_DN\_Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

B02\_DN\_Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

B02b\_DN\_Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

B03\_DN\_Thuyết minh báo cáo tài chính

B03\_DN\_Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Theo phương pháp trực tiếp)

B03b\_DN\_Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

03/TNDN\_Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (Theo TT60)

04/TNDN\_Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (Theo TT127)

Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước

Thuế GTGT được khấu trừ Thuế GTGT được hoàn lại Thuế GTGT được miễn Thuế

Tùy chọn

Hiện hộp nhập tham số

Đóng mọi báo cáo khi kết thúc

Ngôn ngữ: Tiếng Việt

Xem In ra Xuất khẩu Thiết lập... Trợ giúp Kết thúc

Thuyết minh báo cáo tài chính

Thông tin chung

Chọn kỳ báo cáo: Quý I

Tùy chọn

Từ: 01/01/2009 Đến: 31/03/2009

Tên chỉ tiêu	Nội dung
<p><b>I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hình thức sở hữu vốn</li> <li>Lĩnh vực kinh doanh</li> <li>Ngành nghề kinh doanh</li> <li>Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo</li> </ol>	
<p><b>II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kỳ kế toán năm</li> <li>Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán</li> </ol>	
<p><b>III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chế độ kế toán áp dụng</li> <li>Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán</li> <li>Hình thức kế toán áp dụng</li> </ol>	
<p><b>IV- Các chính sách kế toán áp dụng</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán</li> <li>Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho <ul style="list-style-type: none"> <li>Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho</li> <li>Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho</li> <li>Phương pháp hạch toán hàng tồn kho</li> <li>Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho</li> </ul> </li> <li>Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư <ul style="list-style-type: none"> <li>Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuế tài chính)</li> <li>Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuế tài chính)</li> </ul> </li> <li>Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư</li> </ol>	

Lấy dữ liệu

Cắt giữ In Hủy bỏ

# MỤC LỤC

Trang

## Phần I NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN

### Chương I MỞ ĐẦU

A. Lập trang tính đơn giản	5
1. Những khái niệm chung	5
2. Các thao tác trên trang tính	10
3. Đồ thị (Chart)	16
B. Các hàm thông dụng	26
1. Các hàm toán học	26
2. Các hàm logic	26
3. Các hàm xử lý ngày tháng	30
4. Các hàm tài chính	31

### Chương II CƠ SỞ DỮ LIỆU

1. Khái niệm	47
2. Sắp xếp trên cơ sở dữ liệu	48
3. Tính tổng các nhóm	49
4. Các hàm trên cơ sở dữ liệu	50
5. Pivot Table	53

**Phần II**  
**THỰC HÀNH PHẦN MỀM KẾ TOÁN MISA**

**Chương I**  
**TỔNG QUAN VỀ PHẦN MỀM KẾ TOÁN**

- |  |    |
|--|----|
| 1. Khái niệm phần mềm kế toán                                | 57 |
| 2. Mô hình hoạt động của phần mềm kế toán                    | 57 |
| 3. Tính ưu việt của phần mềm kế toán so với kế toán thủ công | 58 |
| 4. Lợi ích của việc ứng dụng phần mềm kế toán                | 60 |

**Chương II**  
**MỞ SỔ KẾ TOÁN CỦA DOANH NGHIỆP**  
**BẰNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN**

- |  |    |
|--|----|
| 1. Các bước tiến hành mở sổ kế toán                | 61 |
| 2. Nhập số dư ban đầu                              | 68 |
| 3. Khóa sổ kế toán cuối kỳ                         | 68 |
| 4. Lưu trữ và bảo quản sổ kế toán trên máy vi tính | 70 |
| 5. Bài tập thực hành                               | 71 |

**Chương III**  
**KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN**

- |   |    |
|---|----|
| 1. Nguyên tắc hạch toán                   | 77 |
| 2. Mô hình hóa hoạt động thu chi tiền mặt | 78 |
| 3. Thực hành trên-phần mềm kế toán        | 80 |
| 4. Bài tập thực hành                      | 96 |

**Chương IV**  
**KẾ TOÁN VẬT TƯ**

1. Nguyên tắc hạch toán	99
2. Mô hình hóa hoạt động nhập, xuất kho	100
3. Thực hành trên phần mềm kế toán	101
4. Bài tập thực hành	110

**Chương V**  
**KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

1. Nguyên tắc hạch toán	111
2. Mô hình hóa hoạt động tăng, giảm tài sản cố định	111
3. Thực hành trên phần mềm kế toán	112
4. Bài tập thực hành	125

**Chương VI**  
**KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG**

1. Nguyên tắc hạch toán	127
2. Mô hình hóa hoạt động tiền lương	127
3. Thực hành trên phần mềm kế toán	128
4. Bài tập thực hành	138

**Chương VII**  
**KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ**

1. Nguyên tắc hạch toán	139
2. Mô hình hóa hoạt động mua hàng và công nợ phải trả	140
3. Thực hành trên phần mềm kế toán	141
4. Bài tập thực hành	150

**Chương VIII**  
**KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI THU**

1. Nguyên tắc hạch toán	153
2. Mô hình hóa hoạt động bán hàng và công nợ phải thu	154
3. Thực hành trên phần mềm kế toán	155
4. Bài tập thực hành	164

**Chương IX**  
**KẾ TOÁN THUẾ**

1. Nguyên tắc hạch toán	167
2. Mô hình hóa hoạt động thuế	169
3. Thực hành trên phần mềm kế toán	169

**Chương X**  
**KẾ TOÁN TỔNG HỢP VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

1. Nhiệm vụ kế toán tổng hợp	177
2. Mô hình hóa hoạt động kế toán tổng hợp	177
3. Thực hành trên phần mềm kế toán	178





**Giáo trình**  
**TIN HỌC KẾ TOÁN**  
(DÙNG CHO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ VÀ CAO ĐẲNG NGHỀ)

**NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - HÀ NỘI 2009**

Địa chỉ: 175 Giảng Võ - Hà Nội

Tel: 04.37366214 Fax: 04.38515381

Email: nxblaodong@vnn.vn

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*

**LÊ HUY HOÀ**

*Biên tập:*

**BAN KT - CT - CĐ**

*Sửa bản in:*

**NGUYỄN QUỲNH MAI**

*Trình bày bìa:*

**ĐỖ VĂN ANH**

---

In 2.000 cuốn, khổ 14.5cm x 20.5cm, tại Công ty Cổ phần In Hà Nội. Đăng ký kế hoạch xuất bản số 1039-2009/CXB/63-155/LĐ ngày 11/11/2009, Quyết định xuất bản số 1431/QĐLK/LĐ. In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2010.



# BỘ GIÁO TRÌNH NGHỀ KẾ TOÁN

- Giáo trình Kinh tế vi mô
- Giáo trình Lý thuyết thống kê
- Giáo trình Lý thuyết tài chính
- Giáo trình Lý thuyết tiền tệ tín dụng
- Giáo trình Lý thuyết kế toán
- Giáo trình Kinh tế vĩ mô
- Giáo trình Quản trị doanh nghiệp
- Giáo trình Thống kê doanh nghiệp
- Giáo trình Thuế
- Giáo trình Tài chính doanh nghiệp
- Giáo trình Kế toán doanh nghiệp
- Giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh
- Giáo trình Lập và phân tích dự án
- Giáo trình Kế toán quản trị
- Giáo trình Kiểm toán
- Giáo trình Tin học kế toán
- Giáo trình Quản trị học
- Giáo trình Marketing
- Giáo trình Kinh tế phát triển
- Giáo trình Kinh tế quốc tế
- Giáo trình Quản lý ngân sách
- Giáo trình Thị trường chứng khoán
- Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp



## Công ty Thương mại Đông Nam

độc quyền phát hành trên phạm vi toàn quốc

Địa chỉ: 53D Hàng Bài \* ĐT: 04.39437061 \* FAX: 04.39437062  
E-mail: dongnamcoltd@hn.vnn.vn - dongnam1@vnn.vn

Website:

[www.dongnamtrading.com](http://www.dongnamtrading.com) • [www.dongnamtrading.vn](http://www.dongnamtrading.vn)

**SÁCH ĐƯỢC PHÂN PHỐI TẠI HÀ NỘI:**

**SÁCH ĐƯỢC PHÂN PHỐI TẠI TP HỒ CHÍ MINH:**

### NHÀ SÁCH KINH ĐÔ

93 Phùng Hưng - Hà Nội  
ĐT: 04.39360822 \* Fax: 04.39360823  
E-mail: nhasachkinhdo@vnn.vn  
<http://www.nhasachkinhdo.com>

### CỬA HÀNG CUNG CẤP MẪU BIỂU

#### VÀ SỔ SÁCH KẾ TOÁN

3A Phan Huy Chú - Hà Nội  
ĐT: 04.39331458 \* Fax: 04.39341728  
8 Phan Huy Chú - Hà Nội  
ĐT: 04.39333553 \* Fax: 04.39333554  
E-mail: bieuamaudongnam@vnn.vn  
<http://www.bieuamauketoan.com>

### NHÀ SÁCH KINH ĐÔ 2

225A Nguyễn Trĩ Phương - Phường 9  
Quận 5 - Tp Hồ Chí Minh  
ĐT: 08.38547462 / 62997623 \* Fax: 08.38547467  
E-mail: nhasachkinhdo2@vnn.vn  
<http://www.nhasachkinhdo2.com>

### CỬA HÀNG CUNG CẤP MẪU BIỂU

#### VÀ SỔ SÁCH KẾ TOÁN

225A Nguyễn Trĩ Phương - Phường 9  
Quận 5 - Tp Hồ Chí Minh  
ĐT: 08.32997624 \* Fax: 08.38547467  
E-mail: nhasachkinhdo2@vnn.vn  
<http://www.nhasachkinhdo2.com>



8 935206 503005



Giá: 27.000đ